

TP.Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 03 năm 2022

Số: 18 /2022/SGW

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA  
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH  
CHỨNG KHOÁN TP.HCM**

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM

V/v: Công bố thông tin nội dung cuộc họp Hội đồng Quản trị ngày 07.03.2022.

**CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG NƯỚC SÀI GÒN**

Địa chỉ trụ sở: Tầng 5, Số 70 Lữ Gia, Phường 15, Quận 11, TP.HCM

Điện thoại: (84.8) 62918483 Fax: (84.8) 62918489

Website: [www.saigonwater.com.vn](http://www.saigonwater.com.vn)

Mã chứng khoán: SII

Loại thông tin công bố:  24 giờ  72 giờ  bất thường  theo yêu cầu  định kỳ:

**Nội dung thông tin công bố:**

Ngày 07/03/2022, Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn (mã chứng khoán SII) đã ban hành Nghị quyết số 03/2022/SGW-HĐQT-NQ theo đó, Hội đồng Quản trị đã thông qua một số nội dung quan trọng như sau:

- Thông qua Báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh năm 2021 và Kế hoạch năm 2022 theo Báo cáo ngày 25/02/2022 của Ban Điều hành.
- Thông qua những nội dung đề trình và xin ý kiến Đại hội cổ đông thường niên 2021 của Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn. Thời gian chốt danh sách là vào ngày 29 tháng 03 năm 2022.
- Phê duyệt Quy chế kiểm toán nội bộ của Công ty cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn theo Tờ trình số 03/2022/SGW/HĐQT-TT ngày 03/03/2022 của Người phụ trách Bộ phận Kiểm toán nội bộ.

Mọi thông tin chi tiết xin xem thêm Nghị quyết số 03/2022/SGW-HĐQT-NQ ngày 07/03/2022 đính kèm.

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố và hồ sơ đính kèm.

Trân trọng.

Nơi gửi:

- Như trên;
- Lưu VT.



**NGUYỄN VĂN THÀNH**





**NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG NƯỚC SÀI GÒN**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn ngày 27 tháng 04 năm 2021;
- Căn cứ Biên bản họp Hội đồng Quản trị số 04/2022/SGW/HĐQT-BB ngày 07/03/2022;

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua Báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh năm 2021 và Kế hoạch năm 2022 theo Báo cáo ngày 25/02/2022 của Ban Điều hành.

**Điều 2.** Thông qua những nội dung dưới đây để trình và xin ý kiến Đại hội cổ đông thường niên 2021 của Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn, bao gồm:

- Báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh năm 2021 và Kế hoạch năm 2022;
- Tờ trình số 10/2022/SGW-TT ngày 25/02/2022 về việc thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2021 và Phương án phân phối lợi nhuận năm 2021;
- Tờ trình số 11/2022/SGW-TT ngày 25/02/2022 về việc thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2022;
- Tờ trình số 12/2022/SGW-TT ngày 25/02/2022 về việc chọn đơn vị kiểm toán độc lập năm 2022;
- Tờ trình số 13/2022/SGW-TT ngày 25/02/2022 về việc thay đổi địa điểm trụ sở chính, và sửa đổi Điều 2.3 của Điều lệ ngày 27 tháng 04 năm 2021 của Công ty cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn;
- Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn; ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị ký Tờ trình về việc đề nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt Quy chế này; và ký ban hành Quy chế sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt

**Điều 3.** Phê duyệt Quy chế kiểm toán nội bộ của Công ty cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn theo Tờ trình số 03/2022/SGW/HĐQT-TT ngày 03/03/2022 của Người phụ trách Bộ phận Kiểm toán





nội bộ về việc đề nghị phê duyệt Quy chế kiểm toán nội bộ của Công ty cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn.

- Điều 4.** Ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị quyết định và thông báo về thời gian, địa điểm tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.
- Điều 5.** Chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội cổ đông thường niên năm 2021; thời gian chốt danh sách là vào ngày 29 tháng 03 năm 2022; ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị ký các văn bản liên quan đến việc chốt danh sách cổ đông, các văn bản liên quan đến triệu tập họp, tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.
- Điều 6.** Thống nhất chương trình họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 gồm các nội dung sau đây:
- Các nội dung được nêu tại Điều 2 của Nghị quyết này;
  - Thông qua Báo cáo của Ban điều hành, Báo cáo của Hội đồng quản trị và Báo cáo của Ban Kiểm soát;
  - Phê duyệt Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát (theo tờ trình của Ban Kiểm soát);
  - Thông qua việc miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
  - Các nội dung khác được bổ sung theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.
- Điều 7.** Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành và toàn thể nhân viên công ty chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

**Nơi nhận:**

- Các Thành viên HĐQT;
- Ban kiểm soát;
- Lưu VP.



**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

---

**QUY CHẾ KIỂM TOÁN NỘI BỘ**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG NƯỚC SÀI GÒN**

**Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 3 năm 2022**



**QUY CHẾ KIỂM TOÁN NỘI BỘ**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG NƯỚC SÀI GÒN**  
*(Ban hành theo Nghị quyết số 03/2022/SGW/HĐQT-NQ ngày 07 tháng 3 năm 2022*  
*của Hội đồng quản trị)*

**CHƯƠNG I**  
**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

- 1.1 Quy chế này quy định về mục tiêu, phạm vi hoạt động, vị trí, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của kiểm toán nội bộ tại Công ty cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn; và mối quan hệ với các bộ phận khác; bao gồm cả phạm vi và cách thức cung cấp thông tin phục vụ kiểm toán; trong đó có các yêu cầu về tính độc lập, khách quan, các nguyên tắc cơ bản, yêu cầu về trình độ chuyên môn, việc đảm bảo chất lượng của kiểm toán nội bộ và các nội dung có liên quan khác.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

- 2.1 Quy chế này áp dụng cho tất cả thành viên Bộ phận Kiểm toán nội bộ của Công ty và các tổ chức, cá nhân trong Công ty có liên quan đến hoạt động kiểm toán nội bộ trong phạm vi toàn doanh nghiệp bao gồm cả trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện và địa điểm kinh doanh.

**Điều 3. Giải thích từ ngữ**

- 3.1 Trong Quy chế này, những thuật ngữ và từ viết tắt được hiểu như sau:
- a) “Công ty” là Công ty cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn;
  - b) “Điều lệ Công ty” là bản Điều lệ hiện hành của Công ty;
  - c) “Kiểm toán nội bộ” là việc kiểm tra, đánh giá, giám sát tính đầy đủ, thích hợp và tính hữu hiệu của kiểm soát nội bộ;
  - d) “Người làm công tác kiểm toán nội bộ” là người thực hiện công tác kiểm toán nội bộ của Công ty;
  - e) “Người phụ trách kiểm toán nội bộ” là người được cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật hoặc theo quy định của Công ty giao phụ trách công tác kiểm toán nội bộ của Công ty;
  - f) “Người có liên quan của Người làm công tác kiểm toán nội bộ” là bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu.
- 3.2 Các tiêu đề chương, điều trong Quy chế này được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc tra cứu, hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Quy chế.
- 3.3 Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Điều lệ Công ty, nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh được xác định trong Quy chế này, sẽ có nghĩa tương tự như trong Điều lệ Công ty.

**Điều 4. Mục tiêu của kiểm toán nội bộ**

- 4.1 Thông qua các hoạt động kiểm tra, đánh giá và tư vấn, kiểm toán nội bộ đưa ra các đảm bảo mang tính độc lập, khách quan và các kiến nghị về các nội dung sau đây:



- a) Hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty đã được thiết lập và vận hành một cách phù hợp nhằm phòng ngừa, phát hiện, xử lý các rủi ro của Công ty;
- b) Các quy trình quản trị và quy trình quản lý rủi ro của Công ty đảm bảo tính hiệu quả và có hiệu suất cao;
- c) Các mục tiêu hoạt động và các mục tiêu chiến lược, kế hoạch và nhiệm vụ công tác mà Công ty đạt được.

#### **Điều 5. Vị trí của kiểm toán nội bộ**

- 5.1 Bộ phận Kiểm toán nội bộ được thành lập bởi Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị quản lý trực tiếp Bộ phận Kiểm toán nội bộ.
- 5.2 Người phụ trách kiểm toán nội bộ sẽ báo cáo các vấn đề về chuyên môn cho Hội đồng quản trị.
- 5.3 Người phụ trách kiểm toán nội bộ sẽ báo cáo công việc hành chính hàng ngày bao gồm, nhưng không giới hạn ở các việc thông báo lịch kiểm toán, các vấn đề về đi lại, công tác phí, trực tiếp cho Tổng Giám đốc, hoặc người được Tổng Giám đốc ủy quyền.
- 5.4 Người phụ trách kiểm toán nội bộ có quyền báo cáo và trao đổi trực tiếp với Hội đồng quản trị khi cần thiết.
- 5.5 Người phụ trách kiểm toán nội bộ sẽ định kỳ báo cáo cho Hội đồng quản trị về mục đích, quyền hạn và trách nhiệm, cũng như hiệu suất của Bộ phận Kiểm toán nội bộ liên quan đến kế hoạch của bộ phận. Báo cáo cũng bao gồm các vấn đề rủi ro và kiểm soát đáng kể, rủi ro gian lận, vấn đề quản trị và các vấn đề khác cần thiết hoặc theo yêu cầu của Ban điều hành và Hội đồng quản trị.

#### **Điều 6. Phạm vi của kiểm toán nội bộ**

- 6.1 Kiểm toán nội bộ bao gồm hoạt động đưa ra đảm bảo và tư vấn độc lập, khách quan được thiết kế nhằm tạo thêm giá trị và hoàn thiện các hoạt động của Công ty. Kiểm toán nội bộ giúp cho Công ty đạt được các mục tiêu của mình bằng cách áp dụng phương pháp tiếp cận có nguyên tắc và mang tính hệ thống nhằm đánh giá và nâng cao hiệu quả của các quy trình quản lý rủi ro, quy trình kiểm soát và quản trị.
- 6.2 Phạm vi kiểm toán nội bộ bao gồm, nhưng không giới hạn ở việc kiểm tra và đánh giá tính đầy đủ và hiệu quả của quản trị, quản lý rủi ro và kiểm soát nội bộ cũng như chất lượng hiệu suất trong việc thực thi trách nhiệm được giao và đưa ra các kiến nghị hoàn thiện để đạt được mục tiêu và mục đích của doanh nghiệp.
- 6.3 Phạm vi của kiểm toán nội bộ bao gồm:
  - a) Đưa ra đảm bảo thông qua việc kiểm tra và đánh giá tính đầy đủ và hiệu quả của quản trị, quản lý rủi ro và kiểm soát nội bộ nhằm giúp Công ty đạt được các mục tiêu chiến lược, hoạt động, tuân thủ và tài chính:
    - i) Theo dõi và đánh giá các quy trình quản trị;
    - ii) Theo dõi và đánh giá hiệu quả của các quy trình quản lý rủi ro của doanh nghiệp;
    - iii) Đánh giá rủi ro liên quan đến việc đạt được các mục tiêu chiến lược của doanh nghiệp;
    - iv) Đánh giá các hệ thống được thiết lập để đảm bảo tuân thủ các chính sách, kế hoạch, thủ tục, luật pháp, chế độ tài chính, kế toán và quy định có thể có tác động đáng kể đến doanh nghiệp;
    - v) Kiểm tra và xác nhận chất lượng, độ tin cậy của thông tin kinh tế, tài chính của báo cáo tài chính, báo cáo kế toán quản trị trước khi trình ký duyệt;



- vi) Đánh giá các phương tiện bảo vệ tài sản và xác minh sự hiện hữu của các tài sản đó khi cần;
  - vii) Báo cáo các rủi ro đáng kể và các vấn đề kiểm soát bao gồm rủi ro gian lận, vấn đề quản trị và các vấn đề khác cần thiết hoặc theo yêu cầu của Ban điều hành và Hội đồng quản trị.
- b) Đưa ra các phân tích chuyên sâu và các kiến nghị dựa trên đánh giá dữ liệu và các quy trình của doanh nghiệp:
- i) Đánh giá độ tin cậy và tính toàn vẹn của hệ thống thông tin quản lý và các phương tiện được sử dụng để xác định, đo lường, phân loại và báo cáo thông tin đó;
  - ii) Phân tích các hoạt động hoặc chương trình để xác định kết quả có phù hợp với mục tiêu và mục đích đã thiết lập không;
  - iii) Đánh giá các hoạt động hoặc chương trình có được thực hiện theo kế hoạch không;
  - iv) Đánh giá hiệu quả và hiệu suất sử dụng các nguồn lực.
- c) Đưa ra các tư vấn, kiến nghị một cách độc lập khách quan: Thực hiện các hoạt động tư vấn liên quan đến quy trình quản trị, quản lý rủi ro và kiểm soát nội bộ phù hợp với Công ty.
- d) Thực hiện kiểm toán trước: được thực hiện trước khi diễn ra việc thực hiện các dự án, chương trình kế hoạch hoạt động của bộ phận/đơn vị được kiểm toán, nhằm đánh giá độ tin cậy của các thông tin, tài liệu, tính kinh tế, tính khả thi và hiệu quả của dự án, chương trình, kế hoạch hoạt động; giúp các cấp quản lý có được những thông tin tin cậy để đưa ra các quyết định.
- e) Thực hiện kiểm toán đồng thời: được thực hiện trong khi việc thực hiện các dự án, chương trình kế hoạch hoạt động của bộ phận/đơn vị được kiểm toán đang diễn ra, nhằm đánh giá tiến độ, chất lượng quá trình thực hiện hoạt động; phát hiện và kiến nghị kịp thời các biện pháp sửa chữa những sai lệch, thiếu sót, yếu kém trong quá trình thực hiện dự án, chương trình, kế hoạch hoạt động, nhằm đảm bảo thực hiện tốt nhất các mục tiêu của dự án, kế hoạch của bộ phận/đơn vị được kiểm toán.
- f) Thực hiện kiểm toán sau: được thực hiện sau khi việc thực hiện dự án, chương trình, kế hoạch hoạt động của bộ phận/đơn vị được kiểm toán đã hoàn thành, nhằm thực hiện các nội dung, mục tiêu kiểm toán báo cáo tài chính, kiểm toán tuân thủ và kiểm toán hoạt động đối với hoạt động của bộ phận/đơn vị được kiểm toán.
- g) Tư vấn cho doanh nghiệp trong việc lựa chọn, kiểm soát sử dụng dịch vụ kiểm toán độc lập bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả.
- h) Báo cáo định kỳ về mục đích, quyền hạn, trách nhiệm và hiệu suất của bộ phận kiểm toán nội bộ liên quan đến kế hoạch của bộ phận.
- i) Kiểm tra và đánh giá các hoạt động cụ thể theo yêu cầu của Ban điều hành và Hội đồng quản trị.
- j) Tùy thuộc vào đối tượng kiểm toán, khi lập kế hoạch kiểm toán nội bộ có thể kết hợp cả kiểm toán trước, kiểm toán đồng thời và kiểm toán sau.

## **Điều 7. Các nguyên tắc cơ bản của kiểm toán nội bộ**

### **7.1 Tính độc lập:**

- a) Người làm công tác kiểm toán nội bộ không được đồng thời đảm nhận các công việc thuộc đối tượng của kiểm toán nội bộ. Kiểm toán nội bộ không chịu bất cứ sự can thiệp nào trong khi thực hiện nhiệm vụ báo cáo và đánh giá;



- b) Người làm công tác kiểm toán nội bộ không được tham gia kiểm toán các hoạt động và các bộ phận/đơn vị mà Người làm công tác kiểm toán nội bộ đó chịu trách nhiệm thực hiện hoạt động hoặc quản lý bộ phận/đơn vị đó trong vòng 03 năm gần nhất;
  - c) Người làm công tác kiểm toán nội bộ không được tham gia kiểm toán các hoạt động và các bộ phận/đơn vị mà người có liên quan của Người làm công tác kiểm toán nội bộ chịu trách nhiệm thực hiện hoạt động hoặc quản lý bộ phận/đơn vị đó.
- 7.2 Tính khách quan: Người làm công tác kiểm toán nội bộ phải đảm bảo khách quan, chính xác, trung thực, công bằng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của kiểm toán nội bộ.
- 7.3 Tuân thủ pháp luật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về hoạt động kiểm toán nội bộ.

#### **Điều 8. Chuẩn mực chuyên môn**

- 8.1 Bộ phận Kiểm toán nội bộ phải tuân thủ các quy định pháp luật về kiểm toán nội bộ, Chuẩn mực Kiểm toán nội bộ và nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành hoặc công bố.
- 8.2 Ngoài ra, Bộ phận Kiểm toán nội bộ sẽ tuân thủ các chính sách và thủ tục liên quan của Công ty về kiểm toán nội bộ, bao gồm cả quy trình kiểm toán nội bộ đã được Công ty phê duyệt và ban hành.

#### **Điều 9. Nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp kiểm toán nội bộ**

- 9.1 Tính chính trực: Người làm công tác kiểm toán nội bộ phải thực hiện các công việc chuyên môn với sự trung thực, tinh thần trọng và tinh thần trách nhiệm; tuân thủ các quy định pháp luật và công bố các thông tin cần thiết theo yêu cầu của pháp luật và yêu cầu chuyên môn của kiểm toán nội bộ; không tham gia các hoạt động phi pháp làm tổn hại đến uy tín của Công ty.
- 9.2 Tính khách quan: Người làm công tác kiểm toán nội bộ phải thể hiện mức độ cao nhất về tính khách quan chuyên môn trong việc thu thập, đánh giá và trao đổi thông tin về các hoạt động và quy trình được kiểm toán. Người làm công tác kiểm toán nội bộ được đưa ra các đánh giá khách quan về tất cả các tình huống liên quan và không bị ảnh hưởng chi phối từ các lợi ích cá nhân hoặc từ bất kỳ ai trong việc đưa ra các xét đoán và kết luận.
- 9.3 Năng lực chuyên môn và tinh thần trọng: Người làm công tác kiểm toán nội bộ áp dụng các kiến thức, các kỹ năng và kinh nghiệm chuyên môn trong công tác kiểm toán nội bộ. Đồng thời hành động một cách thận trọng, phù hợp với các chuẩn mực chuyên môn và kỹ thuật được áp dụng.
- 9.4 Tính bảo mật: Người làm công tác kiểm toán nội bộ phải tôn trọng các giá trị và quyền sở hữu của các thông tin được cung cấp và không tiết lộ các thông tin này nếu không được phép của các cấp có thẩm quyền trừ khi việc tiết lộ thông tin thuộc trách nhiệm chuyên môn hoặc theo yêu cầu của luật pháp.
- 9.5 Tư cách nghề nghiệp: Người làm công tác kiểm toán nội bộ phải tuân thủ pháp luật và các quy định có liên quan, tránh bất kỳ hành động nào làm giảm uy tín nghề nghiệp.
- 9.6 Người phụ trách kiểm toán nội bộ phải có biện pháp theo dõi, đánh giá, quản lý nhằm đảm bảo Người làm công tác kiểm toán nội bộ tuân thủ nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp kiểm toán nội bộ.

#### **Điều 10. Năng lực chuyên môn của kiểm toán nội bộ**

- 10.1 Người phụ trách kiểm toán nội bộ xem xét quy mô và mức độ phức tạp của hoạt động kiểm toán cũng như công việc kiểm toán để trình Hội đồng quản trị quyết định nguồn



lực cần thiết cho Bộ phận Kiểm toán nội bộ. Người phụ trách kiểm toán thiết lập các tiêu chuẩn phù hợp để tuyển dụng Người làm công tác kiểm toán nội bộ.

- 10.2 Người phụ trách kiểm toán nội bộ cần phải có trình độ học vấn/chuyên môn liên quan và kinh nghiệm kiểm toán đầy đủ. Người phụ trách kiểm toán nội bộ cũng cần có kiến thức chuyên sâu về hoạt động kinh doanh và các kỹ năng liên quan khác.
- 10.3 Người phụ trách kiểm toán nội bộ cần đánh giá về kỹ năng và kiến thức của Bộ phận Kiểm toán nội bộ cho việc thực hiện kiểm toán quy trình một cách hiệu quả. Trường hợp cần thiết có thể yêu cầu sử dụng chuyên gia/tư vấn bên ngoài, Người phụ trách kiểm toán nội bộ phải lập kế hoạch sử dụng chuyên gia/tư vấn bên ngoài báo cáo Hội đồng quản trị phê duyệt. Người phụ trách kiểm toán nội bộ chịu trách nhiệm về hoạt động kiểm toán nội bộ liên quan đến kết quả của chuyên gia/tư vấn.
- 10.4 Người phụ trách kiểm toán nội bộ chịu trách nhiệm về hoạt động kiểm toán của Người làm công tác kiểm toán nội bộ. Người phụ trách kiểm toán nội bộ cần đảm bảo rằng các mục tiêu kiểm toán nêu trong kế hoạch kiểm toán được phê duyệt đã đạt được. Người phụ trách kiểm toán nội bộ nên thiết lập kế hoạch chi tiết hợp lý để hoàn thành mỗi cuộc kiểm toán (kể từ khi bắt đầu thực hiện đến khi ban hành báo cáo kiểm toán) sau khi xem xét tính chất và sự phức tạp của cuộc kiểm toán.
- 10.5 Người làm công tác kiểm toán nội bộ cần được đào tạo các kiến thức cần thiết để thực hiện công việc kiểm toán. Việc đào tạo cần được duy trì thường xuyên để tất cả các cấp Người làm công tác kiểm toán nội bộ có thể theo kịp sự phát triển của ngành và nâng cao kỹ năng chuyên môn. Người phụ trách kiểm toán nội bộ cần đảm bảo rằng Người làm công tác kiểm toán nội bộ được đào tạo thông qua công việc phù hợp.

#### **Điều 11. Quyền hạn của Bộ phận Kiểm toán nội bộ**

- 11.1 Được chủ động thực hiện nhiệm vụ theo kế hoạch kiểm toán đã được phê duyệt.
- 11.2 Được trang bị nguồn lực cần thiết để thực hiện công việc theo kế hoạch được phê duyệt.
- 11.3 Được cung cấp đầy đủ, kịp thời tất cả các thông tin, tài liệu, hồ sơ cần thiết cho hoạt động kiểm toán nội bộ.
- 11.4 Được tiếp cận, xem xét tất cả các quy trình nghiệp vụ, tài sản khi thực hiện kiểm toán nội bộ.
- 11.5 Được tiếp cận, phỏng vấn tất cả cán bộ, nhân viên của đơn vị về các vấn đề liên quan đến nội dung kiểm toán.
- 11.6 Được nhận tài liệu, văn bản, biên bản họp của Hội đồng quản trị và các bộ phận chức năng khác có liên quan đến công việc của kiểm toán nội bộ.
- 11.7 Được tham dự các cuộc họp nội bộ theo quy định của pháp luật hoặc theo quy định tại Điều lệ, quy định nội bộ của Công ty bao gồm, nhưng không giới hạn ở các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban điều hành, các bộ phận/đơn vị trực thuộc Công ty.
- 11.8 Được giám sát, đánh giá và theo dõi các hoạt động sửa chữa, khắc phục, hoàn thiện của lãnh đạo các đơn vị, bộ phận đối với các vấn đề mà kiểm toán nội bộ đã ghi nhận và có kiến nghị.
- 11.9 Được bảo vệ an toàn trước hành động bất hợp tác của bộ phận/đơn vị được kiểm toán.
- 11.10 Được đào tạo để nâng cao năng lực cho Người làm công tác kiểm toán nội bộ trong Bộ phận Kiểm toán nội bộ.
- 11.11 Tất cả cán bộ, nhân viên và các cấp quản lý trong Công ty có trách nhiệm cung cấp hồ sơ, giải trình và phối hợp đầy đủ, kịp thời, hỗ trợ Bộ phận Kiểm toán nội bộ trong việc thực hiện vai trò và trách nhiệm của mình.



## **Điều 12. Trách nhiệm của Bộ phận Kiểm toán nội bộ**

- 12.1 Phải bảo mật tài liệu, thông tin theo đúng quy định pháp luật hiện hành và Quy chế của Công ty.
- 12.2 Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về kết quả công việc kiểm toán nội bộ, về những đánh giá, kết luận, kiến nghị, đề xuất trong các báo cáo kiểm toán nội bộ.
- 12.3 Phải kịp thời theo dõi, đôn đốc, kiểm tra kết quả thực hiện các kiến nghị sau kiểm toán của các bộ phận/đơn vị thuộc, trực thuộc Công ty.
- 12.4 Tổ chức đào tạo liên tục nhằm nâng cao và đảm bảo năng lực chuyên môn cho Người làm công tác kiểm toán nội bộ.
- 12.5 Các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật và Quy chế kiểm toán nội bộ của Công ty.

## **Điều 13. Trách nhiệm và quyền hạn của Người làm công tác kiểm toán nội bộ**

### 13.1 Trách nhiệm:

- a) Thực hiện kế hoạch kiểm toán đã được phê duyệt;
- b) Xác định các thông tin đầy đủ, tin cậy, phù hợp và hữu ích cho việc thực hiện các mục tiêu kiểm toán;
- c) Căn cứ vào các phân tích và đánh giá phù hợp để đưa ra kết luận và các kết quả kiểm toán một cách độc lập, khách quan;
- d) Lưu các thông tin liên quan để hỗ trợ các kết luận và đưa ra kết quả kiểm toán;
- e) Chịu trách nhiệm về kết quả kiểm toán được giao thực hiện;
- f) Bảo mật thông tin theo đúng quy định của pháp luật;
- g) Không ngừng nâng cao năng lực chuyên môn, giữ gìn đạo đức nghề nghiệp;
- h) Các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật và Quy chế kiểm toán nội bộ của Công ty.

### 13.2 Quyền hạn:

- a) Trong khi thực hiện kiểm toán có quyền độc lập trong việc nhận xét, đánh giá, kết luận và kiến nghị về những nội dung đã kiểm toán;
- b) Có quyền yêu cầu bộ phận/đơn vị được kiểm toán cung cấp kịp thời, đầy đủ tài liệu, thông tin có liên quan đến nội dung kiểm toán;
- c) Bảo lưu ý kiến bằng văn bản về kết quả kiểm toán trong phạm vi được phân công;
- d) Thực hiện các quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và Quy chế kiểm toán nội bộ của Công ty.

## **Điều 14. Trách nhiệm và quyền hạn của Người phụ trách kiểm toán nội bộ**

### 14.1 Trách nhiệm:

- a) Quản lý và điều hành Bộ phận Kiểm toán nội bộ thực hiện nhiệm vụ theo quy định;
- b) Đảm bảo nhân sự của Bộ phận Kiểm toán nội bộ được đào tạo thường xuyên, có đủ trình độ, năng lực chuyên môn để thực hiện nhiệm vụ;
- c) Thực hiện các biện pháp nhằm đảm bảo tính độc lập, khách quan, trung thực của kiểm toán nội bộ;
- d) Báo cáo Hội đồng quản trị khi phát hiện các vấn đề yếu kém, tồn tại của hệ thống kiểm soát nội bộ;



- e) Chịu trách nhiệm về kết quả kiểm toán do Bộ phận Kiểm toán nội bộ thực hiện;
- f) Bảo mật thông tin theo đúng quy định của pháp luật;
- g) Các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật và Quy chế kiểm toán nội bộ của Công ty.

**14.2 Quyền hạn:**

- a) Đề xuất với Hội đồng quản trị ban hành quy chế, quy trình kiểm toán nội bộ và các phương pháp nghiệp vụ kiểm toán nội bộ;
- b) Được đề nghị trung tập người ở các bộ phận khác của đơn vị; được đề xuất thuê chuyên gia, tư vấn để thiết lập Bộ phận Kiểm toán nội bộ, để tham gia các cuộc kiểm toán nội bộ khi cần với điều kiện đảm bảo tính độc lập của kiểm toán nội bộ;
- c) Dự các cuộc họp theo quy định nội bộ của đơn vị và quy định của pháp luật;
- d) Trong khi thực hiện kiểm toán có quyền độc lập trong việc nhận xét, đánh giá, kết luận và kiến nghị về những nội dung đã kiểm toán;
- e) Có quyền yêu cầu bộ phận/đơn vị được kiểm toán cung cấp kịp thời, đầy đủ tài liệu, thông tin có liên quan đến nội dung kiểm toán;
- f) Bảo lưu ý kiến bằng văn bản về kết quả kiểm toán;
- g) Thực hiện các quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và Quy chế về kiểm toán nội bộ của Công ty.

**Điều 15. Tính độc lập và khách quan của kiểm toán nội bộ**

- 15.1 Bộ phận Kiểm toán nội bộ sẽ không bị can thiệp bởi bất kỳ yếu tố nào trong tổ chức, bao gồm các vấn đề về lựa chọn kiểm toán, phạm vi, thủ tục, tần suất, thời gian hoặc nội dung báo cáo để cho phép duy trì thái độ tinh thần độc lập và khách quan cần thiết.
- 15.2 Người làm công tác kiểm toán nội bộ không có trách nhiệm hoặc quyền hạn hoạt động trực tiếp đối với bất kỳ hoạt động nào được kiểm toán. Theo đó, Người làm công tác kiểm toán nội bộ sẽ không thực hiện kiểm soát nội bộ, xây dựng quy trình, cài đặt hệ thống, chuẩn bị hồ sơ hoặc tham gia vào bất kỳ hoạt động nào khác có thể làm giảm xét đoán của Người làm công tác kiểm toán nội bộ.
- 15.3 Người làm công tác kiểm toán nội bộ sẽ thể hiện mức độ khách quan chuyên nghiệp cao nhất trong việc thu thập, đánh giá và truyền đạt thông tin về hoạt động hoặc quy trình được kiểm tra. Người làm công tác kiểm toán nội bộ sẽ đánh giá cân bằng tất cả các tình huống có liên quan và không bị ảnh hưởng bởi lợi ích của họ hoặc những người khác trong việc đưa ra các xét đoán.
- 15.4 Người phụ trách kiểm toán nội bộ hàng năm sẽ cam kết, xác nhận với Hội đồng quản trị về tính độc lập của tổ chức đối với Bộ phận Kiểm toán nội bộ.

**CHƯƠNG II  
HOẠT ĐỘNG KIỂM TOÁN NỘI BỘ**

**Điều 16. Phương pháp thực hiện kiểm toán nội bộ**

- 16.1 Phương pháp thực hiện kiểm toán nội bộ là phương pháp kiểm toán “định hướng theo rủi ro”, ưu tiên tập trung nguồn lực để kiểm toán các bộ phận/quy trình được đánh giá có mức độ rủi ro cao.



- 16.2 Kế hoạch kiểm toán nội bộ phải được xây dựng dựa trên kết quả đánh giá rủi ro. Kế hoạch này phải được cập nhật và sửa đổi thường xuyên để phù hợp với bất kỳ sự thay đổi nào phát sinh từ những thay đổi trong hoạt động kinh doanh và mức độ rủi ro liên quan.

#### **Điều 17. Kế hoạch kiểm toán nội bộ**

- 17.1 Hàng năm, trước ngày 01 tháng 04, Bộ phận Kiểm toán nội bộ sẽ trình Hội đồng quản trị kế hoạch kiểm toán nội bộ để xem xét và phê duyệt.
- 17.2 Kế hoạch kiểm toán nội bộ sẽ bao gồm phạm vi kiểm toán, đối tượng kiểm toán, các mục tiêu kiểm toán, nội dung kiểm toán, niên độ kiểm toán, thời gian kiểm toán, lịch trình làm việc, cũng như các yêu cầu về ngân sách và nguồn lực cho năm tài chính/năm dương lịch tiếp theo.
- 17.3 Kế hoạch kiểm toán nội bộ sẽ được xây dựng dựa trên sự ưu tiên của kiểm toán bằng phương pháp định hướng theo rủi ro, có xem xét đến các ý kiến đóng góp của Ban điều hành, Hội đồng quản trị. Người phụ trách kiểm toán nội bộ phải đánh giá rủi ro toàn diện các hoạt động, các quy trình nghiệp vụ, các đơn vị/bộ phận để lập kế hoạch kiểm toán nội bộ. Người phụ trách kiểm toán nội bộ sẽ xem xét và điều chỉnh kế hoạch nếu cần, để đáp ứng với những thay đổi trong kinh doanh, rủi ro, hoạt động, chương trình, hệ thống và kiểm soát của Công ty. Bất kỳ điều chỉnh đáng kể nào từ kế hoạch kiểm toán nội bộ đã được phê duyệt sẽ được thông báo cho Ban điều hành, Hội đồng quản trị thông qua các báo cáo hoạt động định kỳ.
- 17.4 Kế hoạch kiểm toán nội bộ hàng năm phải được phê duyệt trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Người phụ trách kiểm toán nội bộ trình lên Hội đồng quản trị.
- 17.5 Kế hoạch kiểm toán nội bộ phải được gửi cho Ban điều hành, Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày được phê duyệt.
- 17.6 Căn cứ vào mục tiêu, chính sách, quy mô và mức độ rủi ro của các hoạt động và các nguồn lực sẵn có, Bộ phận Kiểm toán nội bộ phải xây dựng kế hoạch kiểm toán nội bộ hàng năm bao gồm thông tin về phạm vi kiểm toán nội bộ, đối tượng được kiểm toán, mục tiêu kiểm toán, thời gian kiểm toán và phân bổ nguồn lực.
- 17.7 Các kế hoạch kiểm toán nội bộ hàng năm phải theo định hướng rủi ro.
- 17.8 Đối với kiểm tra kiểm toán đột xuất, ngay sau khi nhận được yêu cầu kiểm toán hoặc khi nhận được thông tin về dấu hiệu gian lận, sai phạm hoặc đối tượng được kiểm toán có rủi ro cao, kế hoạch kiểm toán phải đảm bảo khoản thời gian thích hợp để thực hiện kiểm tra.
- 17.9 Kế hoạch kiểm toán nội bộ hàng năm của đơn vị được kiểm toán có thể được điều chỉnh khi có bất kỳ thay đổi cơ bản nào về quy mô hoạt động, các biến động rủi ro hoặc nguồn lực hiện có.
- 17.10 Kết quả của kế hoạch kiểm toán nội bộ đã thực hiện, sau đây gọi là Báo cáo kiểm toán, phải được trình lên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát ngay sau khi kết thúc năm kiểm toán.
- 17.11 Quyền phê duyệt kế hoạch kiểm toán sẽ được giao cho Hội đồng quản trị của Công ty.

#### **Điều 18. Quy trình kiểm toán nội bộ**

- 18.1 Người phụ trách kiểm toán nội bộ xây dựng Quy trình kiểm toán nội bộ chi tiết phù hợp với đặc thù hoạt động của Công ty, tham vấn ý kiến của Tổng Giám đốc trước khi trình Hội đồng quản trị.

#### **Điều 19. Báo cáo kiểm toán và kiểm tra việc thực hiện kiến nghị kiểm toán**

- 19.1 Báo cáo từng cuộc kiểm toán nội bộ:



- a) Báo cáo từng cuộc kiểm toán nội bộ do Trưởng nhóm/Trưởng đoàn kiểm toán nội bộ hoặc người phụ trách cuộc kiểm toán chịu trách nhiệm lập, trình Hội đồng Quản trị trong thời hạn tối đa 10 ngày sau khi hoàn thành cuộc kiểm toán. Báo cáo kiểm toán phải có chữ ký của Trưởng đoàn/Trưởng nhóm kiểm toán hoặc người phụ trách cuộc kiểm toán.
- b) Báo cáo kiểm toán phải trình bày rõ: nội dung kiểm toán, phạm vi kiểm toán; những đánh giá, kết luận về nội dung đã được kiểm toán và cơ sở đưa ra các ý kiến này; các yếu kém, tồn tại, các sai sót, vi phạm, kiến nghị các biện pháp sửa chữa, khắc phục sai sót và xử lý vi phạm; đề xuất các biện pháp hợp lý hóa, cải tiến quy trình nghiệp vụ; hoàn thiện chính sách quản lý rủi ro, cơ cấu tổ chức của Công ty (nếu có).
- c) Báo cáo kiểm toán phải có ý kiến của ban lãnh đạo bộ phận/đơn vị được kiểm toán. Trong trường hợp bộ phận/đơn vị được kiểm toán không thống nhất với kết quả kiểm toán, báo cáo kiểm toán nội bộ cần nêu rõ ý kiến không thống nhất của bộ phận/đơn vị được kiểm toán và lý do.
- d) Báo cáo kiểm toán nội bộ sau khi hoàn thành được gửi cho Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, bộ phận/đơn vị được kiểm toán và các bộ phận có liên quan.

#### 19.2 Báo cáo kiểm toán nội bộ hàng năm:

- a) Muộn nhất là 21 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, người phụ trách kiểm toán nội bộ phải gửi báo cáo kiểm toán hàng năm cho Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc.
- b) Báo cáo kiểm toán nội bộ hàng năm tối thiểu gồm các nội dung sau:
  - Kế hoạch kiểm toán đề ra; công việc kiểm toán đã được thực hiện;
  - Tồn tại, sai phạm lớn được phát hiện; biện pháp mà kiểm toán nội bộ kiến nghị;
  - Đánh giá về hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan đến hoạt động được kiểm toán và đề xuất nhằm hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ;
  - Tình hình thực hiện các biện pháp, kiến nghị, đề xuất của kiểm toán nội bộ;
  - Tự đánh giá về thành quả kiểm toán nội bộ đã đạt được và các hướng phát triển trong tương lai.
- c) Báo cáo kiểm toán nội bộ hàng năm phải có chữ ký của Người phụ trách kiểm toán nội bộ.
- d) Báo cáo kiểm toán nội bộ của Bộ phận hoặc quy trình kinh doanh được kiểm toán phải được lập, hoàn thiện và trình Hội đồng quản trị (HĐQT) và Ban kiểm soát (HĐQT) kịp thời.
- e) Báo cáo kiểm toán nội bộ phải rõ ràng và cung cấp cơ sở một cách đầy đủ về vấn đề được kiểm toán, phạm vi kiểm toán và giải trình một cách toàn diện các ý kiến, kết luận liên quan đến vấn đề được kiểm toán và cơ sở để đưa ra ý kiến và kết luận đó.
- f) Bất kỳ phát hiện, vấn đề tồn đọng, thiếu sót, sai sót, vi phạm, gian lận và các hành động đề xuất đối với sai lệch, sai sót và vi phạm; các biện pháp đề xuất để hợp lý hóa và cải thiện các thủ tục quy trình kiểm toán; việc hoàn thiện chính sách quản trị rủi ro và cơ cấu tổ chức của từng đơn vị được kiểm toán (nếu có) cần được cung cấp các dữ kiện, bằng chứng và các tài liệu chuẩn mực tham khảo.
- g) Báo cáo kiểm toán nội bộ phải xem xét các ý kiến thảo luận của người quản lý quy trình, cán bộ chủ chốt hoặc người đứng đầu các phòng / ban / đơn vị về vấn đề được kiểm toán.



- h) Báo cáo kiểm toán nội bộ phải có chữ ký của Người phụ trách. Ngoài ra, báo cáo kiểm toán có thể có chữ ký của những người có liên quan khác của tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm toán nội bộ tùy theo thỏa thuận giữa các bên.
- i) Báo cáo kiểm toán năm phải có chữ ký của Người phụ trách kiểm toán nội bộ. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, Người phụ trách kiểm toán nội bộ phải gửi báo cáo kiểm toán năm đã được thực hiện dựa trên kế hoạch kiểm toán nội bộ đã được phê duyệt cho năm tài chính. Báo cáo kiểm toán hàng năm phải bao gồm, nhưng không giới hạn những điều sau:
  - i. Kế hoạch kiểm toán được phê duyệt và xác định trước;
  - ii. Các biến số được chấp thuận so với kế hoạch kiểm toán đã được phê duyệt, nếu có.
  - iii. Các nhiệm vụ kiểm toán đã được thực hiện và chưa được thực hiện
  - iv. Các vấn đề tồn đọng và các vi phạm nghiêm trọng được phát hiện
  - v. Đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ
  - vi. Khuyến nghị hệ thống kiểm soát nội bộ

#### 19.3 Tư vấn đặc biệt và kiểm tra kiểm toán bất thường:

- a) Bộ phận kiểm toán nội bộ thực hiện báo cáo và kiểm tra kiểm toán bất thường trong các trường hợp sau:
  - i. Trong trường hợp xác định có vi phạm nghiêm trọng, gian lận hoặc rủi ro cấp độ cao và có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến đơn vị kinh doanh, quy trình, hoạt động hoặc toàn bộ công ty.
  - ii. Theo yêu cầu của Người phụ trách, Kiểm toán viên nội bộ hoặc Trưởng bộ phận, nhân sự chủ chốt và người quản lý quy trình về các vấn đề mới có rủi ro cao hoặc bất kỳ vấn đề nào còn tồn đọng đã nêu trước đó trong báo cáo kiểm toán mà vẫn không được sửa chữa hoặc khắc phục kịp thời sau một thời hạn quy định.
  - iii. Theo yêu cầu của Ban Giám đốc hoặc Trưởng Ban Kiểm toán nội.
- b) Trường hợp phát hiện các sai phạm nghiêm trọng hoặc khi nhận thấy có nguy cơ rủi ro cao có thể ảnh hưởng xấu đến hoạt động của doanh nghiệp, Bộ phận Kiểm toán nội bộ phải báo cáo ngay cho Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc. Báo cáo bất thường trong trường hợp có những vấn đề phát sinh trong năm tài chính gồm các nội dung:
  - i. Những vấn đề rủi ro mà kiểm toán nội bộ quan tâm, chú ý;
  - ii. Bộc lộ, phát sinh sự yếu kém trong hệ thống kiểm soát nội bộ tại một doanh nghiệp hay bộ phận;
  - iii. Những phát hiện nghiêm trọng cần có sự chỉ đạo xử lý, khắc phục của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc;
  - iv. Báo cáo bất thường trình bày các vấn đề phát sinh hoặc phát hiện cùng với những kiến nghị xử lý.

#### 19.4 Kiểm tra việc thực hiện các kiến nghị của kiểm toán nội bộ:

- a) Kiểm tra, đánh giá thời gian, kết quả những công việc mà bộ phận/đơn vị được kiểm toán đã thực hiện theo kiến nghị của kiểm toán nội bộ.
- b) Báo cáo kết quả kiểm tra thực hiện kiến nghị của kiểm toán nội bộ đối với bộ phận/đơn vị được kiểm toán cho Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc.

### **Điều 20. Lưu trữ báo cáo, hồ sơ, tài liệu kiểm toán nội bộ**

- 20.1 Hồ sơ, tài liệu trong mỗi cuộc kiểm toán phải được ghi chép thành văn bản (bằng giấy hoặc điện tử), lưu giữ theo trình tự để các cá nhân, tổ chức có thẩm quyền khai thác và hiểu được các công việc, kết quả thực hiện trong báo cáo kiểm toán.



- 20.2 Các báo cáo, hồ sơ, tài liệu kiểm toán nội bộ phải được lưu giữ theo quy định hiện hành của Nhà nước và của Công ty.

**Điều 21. Đảm bảo và nâng cao chất lượng kiểm toán nội bộ**

- 21.1 Bộ phận Kiểm toán nội bộ sẽ duy trì một chương trình đảm bảo và nâng cao chất lượng bao gồm tất cả các khía cạnh của Bộ phận Kiểm toán nội bộ.
- 21.2 Chương trình sẽ bao gồm đánh giá về tính tuân thủ của Bộ phận Kiểm toán nội bộ với các quy định và chuẩn mực kiểm toán nội bộ; đánh giá việc tuân thủ quy tắc đạo đức của Người làm công tác kiểm toán nội bộ. Chương trình cũng đánh giá hiệu quả và hiệu suất của Bộ phận Kiểm toán nội bộ và xác định các cơ hội để cải thiện.
- 21.3 Đánh giá lại hoạt động kiểm toán nội bộ được thực hiện vào cuối cuộc kiểm toán và tự đánh giá lại hàng năm về tổng thể hoạt động kiểm toán nội bộ do chính Bộ phận Kiểm toán nội bộ thực hiện nhằm đảm bảo chất lượng của hoạt động kiểm toán nội bộ. Trong trường hợp cần thiết, có thể thuê doanh nghiệp kiểm toán đủ điều kiện đánh giá độc lập bên ngoài ít nhất 05 năm một lần.
- 21.4 Người phụ trách kiểm toán nội bộ sẽ báo cáo với Hội đồng quản trị về chương trình đảm bảo và nâng cao chất lượng của Bộ phận Kiểm toán nội bộ, bao gồm kết quả đánh giá nội bộ hàng năm và đánh giá bên ngoài (nếu có).

**CHƯƠNG III**  
**TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN ĐỐI VỚI KIỂM TOÁN NỘI BỘ**

**Điều 22: Trách nhiệm của Hội đồng quản trị**

- 22.1 Ban hành Quy chế kiểm toán nội bộ của Công ty.
- 22.2 Phê duyệt kế hoạch kiểm toán nội bộ dựa trên rủi ro, báo cáo kiểm toán nội bộ hàng năm.
- 22.3 Phê duyệt ngân sách kiểm toán nội bộ và kế hoạch nguồn lực.
- 22.4 Nhận thông tin báo cáo từ Người phụ trách kiểm toán nội bộ về kết quả hoạt động của Bộ phận Kiểm toán nội bộ liên quan đến kế hoạch của bộ phận và các vấn đề khác.
- 22.5 Quyết định thực hiện các yêu cầu thích hợp của Ban điều hành và Người phụ trách kiểm toán nội bộ để xác định xem có giới hạn nguồn lực hoặc phạm vi không phù hợp hay không.
- 22.6 Tạo điều kiện thuận lợi để đảm bảo Bộ phận Kiểm toán nội bộ thực hiện đầy đủ các quyền hạn và nhiệm vụ theo quy định.
- 22.7 Quyết định, phê duyệt việc thực hiện các kiến nghị của kiểm toán nội bộ; chỉ đạo các bộ phận thực hiện kiến nghị của kiểm toán nội bộ; có biện pháp xử lý kịp thời khi có các kiến nghị, đề xuất của kiểm toán nội bộ.

**Điều 23. Quyền và trách nhiệm của Ban kiểm soát**

- 23.1 Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.
- 23.2 Sử dụng Bộ phận Kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.
- 23.3 Thực hiện quyền và nghĩa vụ khác đối với kiểm toán nội bộ theo quy định của Luật doanh nghiệp.



## **Điều 24. Trách nhiệm của Tổng Giám đốc**

- 24.1 Tạo điều kiện thuận lợi để kiểm toán nội bộ thực hiện nhiệm vụ được giao và chỉ đạo các bộ phận thực hiện phối hợp công tác với kiểm toán nội bộ theo quy định trong Quy chế về kiểm toán nội bộ.
- 24.2 Đôn đốc các bộ phận thực hiện những kiến nghị đã thống nhất với Bộ phận Kiểm toán nội bộ hoặc theo chỉ đạo của Hội đồng quản trị, thông báo cho Bộ phận Kiểm toán nội bộ tình hình thực hiện những kiến nghị đã thống nhất với Bộ phận Kiểm toán nội bộ.
- 24.3 Đảm bảo Bộ phận Kiểm toán nội bộ được thông báo đầy đủ về các thay đổi, những vấn đề phát sinh mới trong hoạt động của đơn vị nhằm xác định sớm những rủi ro liên quan.

## **Điều 25. Trách nhiệm của lãnh đạo các bộ phận/đơn vị trong Công ty**

- 25.1 Tạo điều kiện thuận lợi để kiểm toán nội bộ thực hiện nhiệm vụ được giao và chỉ đạo các bộ phận thực hiện phối hợp công tác với kiểm toán nội bộ theo quy định trong Quy chế về kiểm toán nội bộ.
- 25.2 Đôn đốc các bộ phận thực hiện những kiến nghị đã thống nhất với Bộ phận Kiểm toán nội bộ hoặc theo chỉ đạo của Hội đồng quản trị, thông báo cho Bộ phận Kiểm toán nội bộ tình hình thực hiện những kiến nghị đã thống nhất với Bộ phận Kiểm toán nội bộ.
- 25.3 Đảm bảo Bộ phận Kiểm toán nội bộ được thông báo đầy đủ về các thay đổi, những vấn đề phát sinh mới trong hoạt động của bộ phận/đơn vị nhằm xác định sớm những rủi ro liên quan.
- 25.4 Thực hiện các kiến nghị của kiểm toán nội bộ đã được phê duyệt; có biện pháp xử lý kịp thời khi có các kiến nghị, đề xuất của kiểm toán nội bộ.

## **Điều 26. Trách nhiệm của các bộ phận/đơn vị được kiểm toán**

- 26.1 Cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu, hồ sơ cần thiết cho công việc của kiểm toán nội bộ theo yêu cầu của Bộ phận Kiểm toán nội bộ một cách trung thực, chính xác, không được che giấu thông tin.
- 26.2 Thông báo ngay cho Bộ phận Kiểm toán nội bộ khi phát hiện những yếu kém, tồn tại, các sai phạm, rủi ro, thất thoát lớn về tài sản hoặc nguy cơ thất thoát tài sản.
- 26.3 Thực hiện những kiến nghị đã thống nhất với Bộ phận Kiểm toán nội bộ hoặc theo chỉ đạo của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc.
- 26.4 Tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất để Bộ phận Kiểm toán nội bộ làm việc đạt hiệu quả cao nhất.

## **Article 27. Tiêu chuẩn điều kiện của Kiểm toán viên nội bộ**

- 27.1 Có bằng đại học chuyên ngành liên quan yêu cầu kiểm toán, có kiến thức đầy đủ và cập nhật về lĩnh vực kiểm toán nội bộ được giao.
- 27.2 Có ít nhất 5 năm kinh nghiệm làm việc trong ngành nghề phù hợp với chuyên ngành đào tạo hoặc ít nhất 3 năm kinh nghiệm làm việc cho người sử dụng lao động hiện tại hoặc ít nhất 3 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực kiểm toán, kế toán hoặc thanh tra.
- 27.3 Có kiến thức và hiểu biết tổng quát về pháp luật và hoạt động kinh doanh của đơn vị được kiểm toán; có khả năng thu thập, phân tích, đánh giá và tổng hợp thông tin; có kiến thức và kỹ năng liên quan đến kiểm toán nội bộ.
- 27.4 Chưa từng bị kỷ luật dưới hình thức cảnh cáo hoặc hình thức nặng hơn mà có thể bị xử lý vi phạm phát sinh từ quản trị kinh tế hoặc các hoạt động kế toán hoặc hiện tại chưa bị kỷ luật.



27.5 Đáp ứng các tiêu chuẩn khác do đơn vị được kiểm toán quy định.

## **Điều 28. Báo cáo và các mối quan hệ làm việc**

Người phụ trách bộ phận KTNB trực tiếp báo cáo với Hội đồng quản trị Công ty.

### **28.1 Hội đồng quản trị (HĐQT)**

Hội đồng quản trị có thể thành lập Bộ phận kiểm toán nội bộ và bổ nhiệm Trưởng Bộ phận kiểm toán nội bộ. HĐQT có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với Phòng KTNB để duy trì chức năng Kiểm toán nội bộ hiệu quả trong Công ty. Ngược lại, Bộ phận KTNB có trách nhiệm làm việc với HĐQT để cùng đưa ra các kết quả và yêu cầu báo cáo, đồng thời cung cấp, hỗ trợ việc thực hiện hàng ngày cũng như hỗ trợ công việc hành chính. Xác định và quan sát quy trình và thủ tục báo cáo để đảm bảo rằng thông tin phù hợp được cung cấp vào thời điểm thích hợp và đạt được sự tương tác hiệu quả.

### **28.2 Ban Điều Hành**

Bộ phận KTNB luôn cố gắng đạt được mối quan hệ làm việc hiệu quả và khách quan với Ban Giám đốc Công ty. BP KTNB phải luôn thực hiện các nhiệm vụ và trách nhiệm của mình để cung cấp các hoạt động gia tăng giá trị cho Ban điều hành, đồng thời thực hiện tính độc lập và khách quan. Quy trình và thủ tục báo cáo để đảm bảo tính độc lập và khách quan cần được quan sát liên tục.

### **28.3 Người quản lý quy trình và hoạt động**

Người quản lý quy trình và hoạt động cần cung cấp thông tin để hỗ trợ BP KTNB thực hiện thanh tra, đánh giá và khuyến nghị việc kiểm toán của mình. Việc đồng phát triển các kết quả mong đợi, thảo luận về các mục tiêu và phương pháp kiểm toán cũng như quan sát các quy trình báo cáo phải luôn là một phần trong quá trình cung cấp dịch vụ của BP KTNB để đảm bảo mối quan hệ làm việc khách quan và hiệu quả với các người quản lý quy trình và hoạt động. Nói chung, công việc do BP KTNB thực hiện cùng với các người quản lý quy trình và hoạt động, phải mang lại giá trị cho Ban điều hành để đảm bảo và cải tiến việc kiểm soát quy trình.

### **28.4 Kiểm toán viên độc lập**

Bộ phận KTNB và Kiểm toán viên độc lập cần thường xuyên tổ chức buổi họp để đảm bảo việc sử dụng hiệu quả các nguồn lực kiểm toán cũng như chia sẻ kiến thức của họ về các vấn đề và những quan ngại trọng yếu. Các cuộc họp này sẽ giúp đảm bảo vai trò của hai chức năng được phối hợp rất tốt và do đó giảm thiểu rủi ro của sự trùng lặp công việc không cần thiết.

### **28.5 Các bên liên quan khác**

Bộ phận KTNB có thể, vào những thời điểm nhất định, cần làm việc với các bên khác trong hoặc ngoài Công ty. Ví dụ, mối quan hệ làm việc với Nhân viên kiểm soát tuân thủ về các vấn đề Quản trị công ty và Giám đốc rủi ro về quy trình quản lý rủi ro của tập đoàn hoặc với bất kỳ vai trò liên quan nào cần được xác định và quan sát mọi lúc để đảm bảo đạt được sự phối hợp hiệu quả. Mối quan hệ làm việc với các chuyên gia tư vấn độc lập và các bên khác cần được thảo luận và thông qua bởi Hội đồng quản trị.

## **CHƯƠNG IV ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

### **Điều 29. Hiệu lực thi hành**

29.1 Quy chế này có hiệu lực thi hành từ ngày Hội đồng quản trị thông qua quyết định ban hành Quy chế.



**Điều 30. Sửa đổi, bổ sung, thay thế Quy chế**

- 30.1 Người phụ trách kiểm toán nội bộ có trách nhiệm rà soát định kỳ Quy chế này và đề xuất các sửa đổi, bổ sung, thay thế cần thiết.
- 30.2 Việc sửa đổi, bổ sung, thay thế Quy chế này do Hội đồng quản trị quyết định.

**Điều 31. Tổ chức thực hiện**

- 31.1 Các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Người phụ trách kiểm toán nội bộ và các tổ chức, cá nhân trong Công ty có trách nhiệm thực hiện Quy chế này.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



LÊ VŨ HOÀNG



TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 02 năm 2022

## BÁO CÁO

### TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2021 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2022

#### I. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2021

##### 1. Tổng quan về tình hình kinh doanh:

Năm 2021 tiếp tục là một năm khó khăn đối với nền kinh tế khi đại dịch Covid-19 diễn biến phức tạp. Đợt giãn cách xã hội toàn thành phố làm cho hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ phải đóng cửa làm giảm sản lượng nước cung cấp cho sản xuất, thương mại dịch vụ, giảm giá nước trung bình. Công ty cũng đã có chính sách giảm giá nước cho các đối tượng sử dụng nước, miễn phí cho các trung tâm cách ly, bệnh viện dã chiến theo chỉ đạo của lãnh đạo các địa phương và của Thủ tướng chính phủ. Những lý do trên tác động mạnh đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, sản lượng tiêu thụ, giá trung bình tăng thấp, không đạt kế hoạch được ĐHCĐ giao.

##### 1.1. Những kết quả đạt được

- Tăng sản lượng cấp nước Củ chi, Dankia, Gia lai trong điều kiện khó khăn do đại dịch.
- Đã làm việc với các Khu công nghiệp trên địa bàn Huyện Củ Chi, hiện đang cấp nước được một số Khu công nghiệp như Tây Bắc (Bia Sài Gòn), một phần KCN Tân Phú Trung, KCN Hoà Phú;
- Thực hiện tốt công tác phòng chống dịch đảm bảo tốt hoạt động cấp nước an toàn cả trong điều kiện thành phố thực hiện giãn cách xã hội.
- Quản lý chặt chẽ chi phí hoạt động, không ngừng nâng cao hiệu quả hoạt động trong điều kiện khó khăn về tài chính, giảm thiểu thiệt hại do giãn cách xã hội và hoạt động sản xuất kinh doanh bị ngừng.

##### 1.2. Khó khăn, vướng mắc

- Chưa được chuyển giao quyền phân phối nước tại các khu Công nghiệp Tây Bắc, Đông Nam. Mới chỉ cấp nước cho khu CN Tân Phú Trung một phần.



- Do tình hình dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, các doanh nghiệp phải ngưng hoạt động và chỉ đi vào hoạt động một phần vào cuối năm dẫn đến sản lượng và giá trung bình quân tăng thấp, không đạt kế hoạch;
- Vẫn chưa tìm được đối tác trong việc thoái vốn một số dự án không hiệu quả, Công ty vẫn còn phụ thuộc vào nguồn hỗ trợ tài chính từ Công ty mẹ CII để trả nợ.

## 2. Tình hình tài chính năm 2021

Trong năm 2021, các dự án Củ Chi, Saigon Pleiku và Saigon An Khê vẫn chưa tự cân đối được thu chi và Saigon Water phải tiếp tục hỗ trợ tài chính cho Saigon Pleiku. Bên cạnh đó, Công ty không có khả năng tăng vốn bằng cách phát hành cổ phiếu hay trái phiếu. Do đó, Công ty đã phải nhờ sự hỗ trợ tài chính từ Công ty mẹ CII để thanh toán các nghĩa vụ nợ của mình, tránh không để xảy ra tình trạng nợ quá hạn. Các hoạt động tài chính của Công ty cụ thể như sau:

- BOO Thủ Đức: nhận cổ tức năm 2020 khoảng 9 tỷ đồng (22% mệnh giá);
- CTCP Cấp thoát nước Gia Lai: nhận cổ tức năm 2020 2,75 tỷ đồng (3% mệnh giá).
- Tân Hiệp: nhận cổ tức đợt 2 năm 2020: 30,96 tỷ (cùng với 10,32 tỷ đã nhận năm 2020, tổng cổ tức năm 2020 nhận từ Tân Hiệp là 41,28 tỷ, tương ứng với 40% mệnh giá); nhận tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2021: 36,12 tỷ.
- Nhận hỗ trợ vốn từ công ty mẹ CII khoảng 170 tỷ;
- Hỗ trợ tài chính cho Saigon Pleiku 8,5 tỷ;
- Thanh toán các nghĩa vụ nợ gốc và lãi vay đến hạn từ các khoản vay Vietinbank;
- Thanh toán toàn bộ khoản trái phiếu và thu hồi các tài sản được thế chấp tại VIB.

## 3. Kết quả kinh doanh năm 2021

### 3.1. Báo cáo kết quả hợp nhất năm 2021:

Chỉ tiêu (Đvt: triệu đồng)	Thực hiện năm 2021	Thực hiện năm 2020	TH so với cùng kỳ
Tổng sản lượng (Triệu m <sup>3</sup> )	29,30	28.37	103%
Sản lượng bình quân ngày (m <sup>3</sup> /ngày)	80.265	77,724	103%
Giá bán bình quân (đồng/m <sup>3</sup> )	7.063	6,963	101%
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>307.991</b>	<b>322.608</b>	<b>95%</b>
Doanh thu nước	206.913	197.530	105%
Doanh thu dịch vụ ngành nước	6.665	10.705	62%
Doanh thu tài chính khác	78.835	84.313	94%
Thu nhập khác	2.836	15.379	18%
Doanh thu tiền gửi, lãi cho vay	12.742	14.680	87%
<b>Tổng chi phí</b>	<b>397.123</b>	<b>437.585</b>	<b>91%</b>



<b>Chỉ tiêu (Đvt: triệu đồng)</b>	<b>Thực hiện năm 2021</b>	<b>Thực hiện năm 2020</b>	<b>TH so với cùng kỳ</b>
Chi phí trực tiếp	138.116	134.102	103%
Chi phí gián tiếp	60.762	84.683	72%
Khấu hao	94.439	96.273	98%
Lãi vay, chi phí tài chính khác	102.071	117.942	87%
Chi phí khác	1.735	4.583	38%
<b>LN từ đầu tư vào công ty liên kết</b>	<b>74.514</b>	<b>57.092</b>	<b>131%</b>
Điều chỉnh hợp nhất	(56.982)	(45.238)	126%
<b>LN trước thuế</b>	<b>(71.600)</b>	<b>(103.122)</b>	<b>69%</b>
Thuế TNDN	2.432	1.935	126%
Thuế TNDN hoãn lại	4.155	5.961	70%
<b>LN Sau Thuế</b>	<b>(78.187)</b>	<b>(111.017)</b>	<b>70%</b>
LNST của cổ đông KKS	(4.690)	(6.422)	73%
<b>LNST của công ty mẹ</b>	<b>(73.498)</b>	<b>(104.595)</b>	<b>70%</b>
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cp)</b>	<b>(1.139)</b>	<b>(1.621)</b>	<b>70%</b>

### 3.2. Báo cáo kết quả hoạt động theo từng đơn vị thành viên:

<b>Công ty (Đvt: triệu đồng)</b>	<b>Thực hiện năm 2021</b>	<b>Thực hiện năm 2020</b>	<b>So với năm trước</b>	
Saigon Water	(83.170)	(94.966)	11.796	88%
<i>Công ty mẹ</i>	<i>29.104</i>	<i>25.963</i>	<i>3.140</i>	<i>112%</i>
<i>Dự án Củ Chi</i>	<i>(112.274)</i>	<i>(120.930)</i>	<i>8.656</i>	<i>93%</i>
Enviro	(9.259)	(14.001)	4.742	66%
Saigon - Dankia	11.500	3.170	8.330	363%
Saigon - Pleiku	(14.921)	(16.102)	1.181	93%
CTCP Cấp thoát nước Gia Lai	4.317	9.208	(4.891)	47%
Saigon - An Khê	-	(4.173)	4.173	0%
Tân Hiệp 2	74.514	57.092	17.422	131%
Tổng hợp và điều chỉnh	(61.168)	(51.245)	(9.924)	119%
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>(78.187)</b>	<b>(111.017)</b>	<b>32.830</b>	<b>70%</b>

### 3.3. Báo cáo kết quả kinh doanh của từng đơn vị:

#### 3.3.1. SII mẹ

- SII mẹ đạt mức lợi nhuận hơn 29 tỷ đồng, tăng hơn 3 tỷ so với năm 2020;



- Doanh thu tài chính năm 2021 là từ các khoản cổ tức của BOO Thủ Đức (9 tỷ), Cấp thoát nước Gia Lai (2,75 tỷ) và Tân Hiệp (67,08 tỷ bao gồm 30,96 tỷ cổ tức đợt 2 năm 2020 và 36,12 tỷ tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2021). Năm 2021 không ghi nhận khoản thu từ thoái vốn như năm 2020 nên doanh thu tài chính giảm khoảng 5,5 tỷ.
- Chi phí gián tiếp giảm khoảng 5 tỷ do chi phí trích lập dự phòng công nợ phải thu khó đòi giảm hơn 3 tỷ, chi phí lương giảm gần 1,7 tỷ, các chi phí khác cũng giảm.
- Chi phí lãi vay giảm gần 6 tỷ do dư nợ giảm.

Công ty (Đvt: tỷ đồng)	Thực hiện năm 2021	Thực hiện năm 2020	So với năm trước	
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>89,31</b>	<b>97,29</b>	<b>(7,98)</b>	<b>92%</b>
Doanh thu tiền gửi, lãi cho vay	10,48	12,98	(2,50)	81%
Doanh thu tài chính khác	78,83	84,31	(5,48)	94%
<b>Tổng chi phí</b>	<b>60,21</b>	<b>71,33</b>	<b>(11,12)</b>	<b>84%</b>
Chi phí gián tiếp	24,76	30,01	(5,25)	83%
Khấu hao	0,34	0,44	(0,10)	77%
Lãi vay, chi phí tài chính khác	35,11	40,88	(5,78)	86%
Chi phí khác	0,01	-	0,01	
<b>LN trước thuế</b>	<b>29,10</b>	<b>25,96</b>	<b>3,14</b>	<b>112%</b>
<b>LN Sau Thuế</b>	<b>29,10</b>	<b>25,96</b>	<b>3,14</b>	<b>112%</b>

### 3.3.2. Dự án Củ Chi:

- Củ Chi lỗ khoảng 112 tỷ, giảm so với mức lỗ khoảng 121 tỷ của năm 2020;
- Tổng sản lượng tăng 8%, doanh thu cấp nước tăng 14% (gần 11 tỷ). Doanh thu xây lắp giảm khoảng 1 tỷ do ảnh hưởng của đại dịch covid.
- Các chi phí khác vẫn giữ ở mức ổn định: chi phí trực tiếp tăng theo mức tăng của sản lượng, chi phí gián tiếp và chi phí lãi vay giảm khoảng 10%.

Chỉ tiêu (Đvt: tỷ đồng)	Thực hiện năm 2021	Thực hiện năm 2020	So với năm trước	
<i>Tổng sản lượng (triệu m3)</i>	<i>10,71</i>	<i>9,90</i>	<i>0,80</i>	<i>108%</i>
<i>Sản lượng bình quân ngày</i>	<i>29.333</i>	<i>27.130</i>	<i>2.203</i>	<i>108%</i>
<i>Giá bán bình quân (đồng/m3)</i>	<i>8.555</i>	<i>8.146</i>	<i>409</i>	<i>105%</i>
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>93,09</b>	<b>84,21</b>	<b>8,88</b>	<b>111%</b>
Doanh thu nước	91,55	80,66	10,89	114%
Doanh thu dịch vụ ngành nước	1,07	2,18	(1,11)	47%



Chỉ tiêu (Đvt: tỷ đồng)	Thực hiện năm 2021	Thực hiện năm 2020	So với năm trước	
Doanh thu khác	0,03	1,36	(1,33)	2%
Doanh thu tiền gửi, lãi cho vay	0,43	0,01	0,43	7131%
<b>Tổng chi phí</b>	<b>205,37</b>	<b>205,14</b>	<b>0,23</b>	<b>100%</b>
Chi phí trực tiếp	68,68	62,45	6,24	110%
Chi phí gián tiếp	15,62	17,20	(1,58)	91%
Khấu hao	66,85	65,80	1,05	102%
Lãi vay, chi phí tài chính khác	53,18	59,68	(6,49)	89%
Chi phí khác	1,03	0,02	1,01	4874%
<b>LN trước thuế</b>	<b>(112,27)</b>	<b>(120,93)</b>	<b>8,66</b>	<b>93%</b>
<b>LN Sau Thuế</b>	<b>(112,27)</b>	<b>(120,93)</b>	<b>8,66</b>	<b>93%</b>

### 3.3.3. Enviro:

- Enviro hiện nay chủ yếu duy trì để thu hồi công nợ dự án Phú Ninh, Chi phí gián tiếp chủ yếu là khoản trích lập dự phòng cho các khoản công nợ cũ.

Chỉ tiêu (Đvt: tỷ đồng)	Thực hiện năm 2021	Thực hiện năm 2020	So với năm trước	
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>0,38</b>	<b>1,90</b>	<b>(1,52)</b>	<b>20%</b>
Doanh thu thuần bán hàng và CCDV	-	1,10	(1,10)	0%
Thu nhập khác	-	0,41	(0,41)	0%
Doanh thu tiền gửi, lãi cho vay	0,38	0,38	(0,00)	99%
<b>Tổng chi phí</b>	<b>8,32</b>	<b>15,46</b>	<b>(7,15)</b>	<b>54%</b>
Chi phí trực tiếp	-	2,40	(2,40)	0%
Chi phí gián tiếp	8,32	12,99	(4,67)	64%
Khấu hao	-	0,08	(0,08)	0%
Chi phí khác	0,66	0,42	0,24	157%
<b>LN trước thuế</b>	<b>(8,60)</b>	<b>(13,99)</b>	<b>5,39</b>	<b>61%</b>
Thuế TNDN	0,66	0,02	0,65	4071 %
<b>LN Sau Thuế</b>	<b>(9,26)</b>	<b>(14,00)</b>	<b>4,74</b>	<b>66%</b>

### 3.3.4. Saigon – Dankia:

- Do không còn phải ghi nhận khoản trích lập dự phòng công nợ khó đòi 8,17 tỷ như năm 2020 nên chi phí gián tiếp của Saigon Dankia giảm mạnh trong năm 2021.



- Công ty cũng thanh toán hết các khoản nợ vay trong năm 2021 nên chi phí lãi vay giảm.
- Lợi nhuận sau thuế tăng hơn 8 tỷ đồng, đạt mức tăng trưởng 363% so với năm 2020.

Chỉ tiêu (Đvt: tỷ đồng)	Thực hiện năm 2021	Thực hiện năm 2020	So với năm trước	
Tổng sản lượng (triệu m <sup>3</sup> )	9,77	9,69	0,07	101%
Sản lượng bình quân ngày	26.758	26.554	204	101%
Giá bán bình quân (đồng/m <sup>3</sup> )	5.826	5.828	-2	100%
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>57,08</b>	<b>56,49</b>	<b>0,59</b>	<b>101%</b>
Doanh thu nước	56,90	56,48	0,42	101%
Doanh thu tiền gửi, lãi cho vay	0,18	0,01	0,17	2117%
<b>Tổng chi phí</b>	<b>44,97</b>	<b>52,94</b>	<b>(7,97)</b>	<b>85%</b>
Chi phí trực tiếp	33,27	29,64	3,63	112%
Chi phí gián tiếp	2,68	11,63	(8,95)	23%
Khấu hao	8,32	9,49	(1,17)	88%
Lãi vay, chi phí tài chính khác	0,68	2,19	(1,51)	31%
Chi phí khác	0,03	-	0,03	
<b>LN trước thuế</b>	<b>12,11</b>	<b>3,55</b>	<b>8,56</b>	<b>341%</b>
Thuế TNDN	0,61	0,38	0,23	160%
<b>LN Sau Thuế</b>	<b>11,50</b>	<b>3,17</b>	<b>8,33</b>	<b>363%</b>

### 3.3.5. Saigon – Pleiku:

Chỉ tiêu (Đvt: tỷ đồng)	Thực hiện năm 2021	Thực hiện năm 2020	So với năm trước	
Tổng sản lượng (triệu m <sup>3</sup> )	2,38	2,37	0,01	100%
Sản lượng bình quân ngày	6.518	6.496	23	100%
Giá bán bình quân (đồng/m <sup>3</sup> )	4.634	4.634	0	100%
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>11,03</b>	<b>11,31</b>	<b>(0,28)</b>	<b>98%</b>
Doanh thu nước	11,03	10,99	0,04	100%
Thu nhập khác	-	0,32	(0,32)	0%
<b>Tổng chi phí</b>	<b>25,95</b>	<b>27,41</b>	<b>(1,46)</b>	<b>95%</b>
Chi phí trực tiếp	4,00	4,00	0,00	100%
Chi phí gián tiếp	0,58	2,51	(1,93)	23%
Khấu hao	8,26	8,29	(0,02)	100%



Lãi vay, chi phí tài chính khác	13,10	12,18	0,92	108%
Chi phí khác	0,00	0,43	(0,43)	0%
<b>LN trước thuế</b>	<b>(14,92)</b>	<b>(16,10)</b>	<b>1,18</b>	<b>93%</b>
<b>LN Sau Thuế</b>	<b>(14,92)</b>	<b>(16,10)</b>	<b>1,18</b>	<b>93%</b>

### 3.3.6. Gia Lai:

- Do ảnh hưởng của đại dịch covid nên doanh thu xây lắp và doanh thu khác giảm khoảng 11,8 tỷ;
- Tuy nhiên, nhờ kiểm soát chi phí chặt chẽ nên tổng chi phí giảm khoảng 6,3 tỷ, nhờ đó lợi nhuận sau thuế chỉ giảm gần 5 tỷ đồng so với năm 2020.
- Công ty đã tranh thủ các dự án cải tạo và nâng cấp đô thị của Thành phố để cải tạo, thay thế mạng cấp nước với chi phí thấp, hiệu quả cao và lâu dài.
- Thực hiện tốt công tác cấp nước an toàn, quản lý điều hành hiệu quả trong điều kiện dịch bệnh diễn biến xấu, khu vực bị phong tỏa nhiều.

Chỉ tiêu (Đvt: tỷ đồng)	Thực hiện năm 2021	Thực hiện năm 2020	So với năm trước	
Tổng sản lượng (triệu m <sup>3</sup> )	6,44	6,40	0,04	101%
Sản lượng bình quân ngày	17.656	17.544	112	101%
Giá bán bình quân (đồng/m <sup>3</sup> )	7.355	7.368	-13	100%
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>57,10</b>	<b>68,72</b>	<b>(11,62)</b>	<b>83%</b>
Doanh thu nước	47,40	47,18	0,21	100%
Doanh thu dịch vụ ngành nước	5,63	6,95	(1,32)	81%
Thu nhập khác	2,80	13,29	(10,48)	21%
Doanh thu tiền gửi, lãi cho vay	1,27	1,30	(0,03)	97%
<b>Tổng chi phí</b>	<b>51,62</b>	<b>57,97</b>	<b>(6,35)</b>	<b>89%</b>
Chi phí trực tiếp	32,16	34,27	(2,11)	94%
Chi phí gián tiếp	8,78	9,98	(1,19)	88%
Khấu hao	10,67	10,01	0,66	107%
Lãi vay, chi phí tài chính khác	0,01	0,01	(0,00)	76%
Chi phí khác	0,00	3,71	(3,71)	0%
<b>LN trước thuế</b>	<b>5,48</b>	<b>10,75</b>	<b>(5,27)</b>	<b>51%</b>
Thuế TNDN	1,16	1,54	(0,37)	76%
<b>LN Sau Thuế</b>	<b>4,32</b>	<b>9,21</b>	<b>(4,89)</b>	<b>47%</b>



### 3.3.7. Saigon – An Khê:

- Doanh thu nước tăng 5% so với năm 2020 đã giúp An Khê giảm lỗ từ 14,9 tỷ năm 2020 xuống còn 12 tỷ năm 2021;

Chỉ tiêu (Đvt: tỷ đồng)	Thực hiện năm 2021	Thực hiện năm 2020	So với năm trước	
Tổng sản lượng (triệu m <sup>3</sup> )	1,54	1,45	0,09	106%
Sản lượng bình quân ngày	4.220	3.978	242	106%
Giá bán bình quân (đồng/m <sup>3</sup> )	6.671	6.742	-71	99%
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>12,00</b>	<b>12,18</b>	<b>(0,18)</b>	<b>99%</b>
Doanh thu nước	10,28	9,79	0,49	105%
Doanh thu dịch vụ ngành nước	1,64	2,35	(0,71)	70%
Thu nhập khác	0,08	0,04	0,04	212%
Doanh thu tiền gửi, lãi cho vay	0,00	0,00	0,00	262%
<b>Tổng chi phí</b>	<b>24,06</b>	<b>27,03</b>	<b>(2,97)</b>	<b>89%</b>
Chi phí trực tiếp	5,37	5,71	(0,34)	94%
Chi phí gián tiếp	0,78	1,06	(0,28)	74%
Khấu hao	7,58	8,72	(1,14)	87%
Lãi vay, chi phí tài chính khác	10,33	11,54	(1,20)	90%
<b>LN trước thuế</b>	<b>(12,06)</b>	<b>(14,85)</b>	<b>2,79</b>	<b>81%</b>
<b>LN Sau Thuế</b>	<b>(12,06)</b>	<b>(14,85)</b>	<b>2,79</b>	<b>81%</b>

### 3.3.8. Tân Hiệp 2:

- Tân Hiệp đạt mức lợi nhuận 173,3 tỷ, tăng hơn 40,5 tỷ với mức tăng trưởng đạt 31% so với năm 2020.

Chỉ tiêu (Đvt: tỷ đồng)	Thực hiện năm 2021	Thực hiện năm 2020	So với năm trước	
Tổng sản lượng (triệu m <sup>3</sup> )	96,74	91,59	5,15	106%
Sản lượng bình quân ngày	265.040	250.931	14.108	106%
Giá bán bình quân (đồng/m <sup>3</sup> )	4.623	4.346	277	106%
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>451,28</b>	<b>406,62</b>	<b>44,66</b>	<b>111%</b>
Doanh thu nước	447,22	398,02	49,20	112%
Thu nhập khác	3,96	8,02	(4,06)	49%
Doanh thu tiền gửi, lãi cho vay	0,10	0,58	(0,48)	17%
<b>Tổng chi phí</b>	<b>269,05</b>	<b>274,01</b>	<b>(4,95)</b>	<b>98%</b>
Chi phí trực tiếp	159,08	159,49	(0,41)	100%



Chỉ tiêu (Đvt: tỷ đồng)	Thực hiện năm 2021	Thực hiện năm 2020	So với năm trước	
Chi phí gián tiếp	19,02	7,64	11,37	249%
Khấu hao	53,53	52,90	0,63	101%
Lãi vay, chi phí tài chính khác	37,43	53,98	(16,55)	69%
Lợi nhuận khác	0,35	0,16	0,20	226%
<b>LN trước thuế</b>	<b>182,58</b>	<b>132,77</b>	<b>49,81</b>	<b>138%</b>
Thuế TNDN	9,29	-	9,29	
<b>LN Sau Thuế</b>	<b>173,29</b>	<b>132,77</b>	<b>40,52</b>	<b>131%</b>

### 3.4 Dòng tiền của SII mẹ năm 2021:

Chỉ tiêu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	2021
Số dư tiền mặt đầu kỳ	1,83	4,89	2,84	2,34	1,30	2,51	1,30	1,25	1,51	1,70	2,31	3,13	1,83
Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh	1,35	-2,04	-0,54	-0,46	-1,02	-1,20	-0,01	0,26	0,19	-3,36	0,82	2,86	-3,16
Chi phí hoạt động của SGW	-0,81	-0,83	-0,77	-0,87	-0,73	-0,66	-0,65	-0,69	-0,67	-0,72	-0,87	-1,08	-9,35
Dòng tiền hoạt động thuần của Dự án Củ Chi	2,16	-1,22	0,23	0,41	-0,29	-0,54	0,64	0,94	0,86	-2,64	1,69	3,31	5,55
Dòng tiền từ hoạt động đầu tư	-0,24	-	-4,50	19,61	10,32	-	-4,00	-	-	11,75	-	32,23	65,18
Chi đầu tư Dự án Củ Chi	-0,24	-	-	-1,03	-	-	-	-	-	-	-	-3,89	-5,16
Thu hồi / (Chi) hỗ trợ tài chính cho Saigon - Pleiku	-	-	-4,50	-	-	-	-4,00	-	-	-	-	-	-8,50
Cổ tức nhận được từ BOO TDW	-	-	-	-	-	-	-	-	-	9,00	-	-	9,00
Cổ tức nhận được từ Gia Lai	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2,75	-	-	2,75
Cổ tức nhận được từ Tân Hiệp	-	-	-	20,64	10,32	-	-	-	-	-	-	36,12	67,08
Dòng tiền từ hoạt động tài chính	1,96	-0,01	4,53	-20,18	-8,10	-0,01	3,96	-	-	-7,78	-	-	-25,62
Trả nợ trái phiếu VIB	-42,50	-	-21,25	-	-21,25	-	-	-	-	-	-	-	-85,00
Trả nợ vay Vietinbank cho Dự án Củ Chi GD1	-8,61	-	-	-14,19	-	-	-14,19	-	-	-0,19	-	-	-37,18
Trả nợ vay Vietinbank cho Dự án Củ Chi GD2	-0,50	-	-	-0,50	-	-	-1,00	-	-	-1,00	-	-	-3,00
Chi phí lãi vay của trái phiếu VIB	-0,26	-	-0,91	-	-0,34	-	-	-	-	-	-	-	-1,51
Chi phí lãi vay Vietinbank cho Dự án Củ Chi GD1	-10,48	-	-	-10,18	-	-	-9,83	-	-	-3,04	-	-	-33,54
Chi phí lãi vay Vietinbank cho Dự án Củ Chi GD2	-3,98	-	-	-3,76	-	-	-3,72	-	-	-3,55	-	-	-15,00
Nhận hỗ trợ vốn	84,50	-	28,70	10,00	13,50	-	33,70	-	-	-	-	-	170,40
Trả nợ vay HDBank	-0,01	-0,01	-0,01	-0,01	-0,01	-0,01	-1,01	-0,00	-0,00	-0,00	-0,00	-0,00	-1,05
Chuyển tiền cho CII trả nợ vay TPB	-	-1,04	-0,96	-4,40	-1,01	-3,20	-2,14	-2,00	-2,00	-2,00	-2,00	-2,00	-22,75
Vay Saigon Dankia	-16,20	1,04	-1,04	2,86	1,01	3,20	2,15	2,00	2,00	2,00	2,00	2,00	3,01
<b>DÒNG TIỀN THUẦN TRONG KỲ</b>	<b>3,07</b>	<b>-2,05</b>	<b>-0,50</b>	<b>-1,03</b>	<b>1,20</b>	<b>-1,20</b>	<b>-0,05</b>	<b>0,26</b>	<b>0,19</b>	<b>0,61</b>	<b>0,82</b>	<b>35,09</b>	<b>36,39</b>
Số dư tiền mặt cuối kỳ	4,89	2,84	2,34	1,30	2,51	1,30	1,25	1,51	1,70	2,31	3,13	38,22	38,22

### 3.5. Đánh giá các chỉ tiêu tài chính:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	31/12/2021	31/12/2020
<b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	0,25	0,33
+ Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,21	0,29
<b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn:</b>			
+ Hệ số nợ/Tổng tài sản	%	41,69%	40,67%
+ Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,71	0,69
<b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
- Vòng quay khoản phải thu ngắn hạn	Lần	4,65	1,57



Chỉ tiêu	Đơn vị tính	31/12/2021	31/12/2020
- Vòng quay hàng tồn kho	Lần	12,95	9,47
- Vòng quay tổng tài sản	Lần	0,08	0,07
<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời:</b>			
+ Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	38,6%	-56,3%
+ Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	-5,7%	-7,6%
+ Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	%	-3,3%	-4,5%
+ Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	35,9%	-57,5%
+ Thu nhập trên mỗi cổ phần (EPS)	Đồng	1.139	-1.621

- Hệ số thanh toán tiếp tục giảm và dưới 1 cho thấy Công ty có rủi ro không thanh toán được các khoản nợ đến hạn trong năm 2022. Do đặc thù là công ty đầu tư, nguồn thu chủ yếu của Công ty là các khoản cổ tức hoặc thu hồi nợ với thời điểm thu không liên tục. Điều này được thể hiện rõ ràng khi trong năm 2021, Công ty đã phải phụ thuộc nhiều vào nguồn vốn bên ngoài (chủ yếu là từ công ty mẹ CII) để đảm bảo khả năng thanh toán.
- Năm 2021, khả năng sinh lời của Công ty đã được cải thiện hơn so với năm 2020.

## II. BÁO CÁO TÀI CHÍNH THEO CHUẨN QUỐC TẾ IFRS

*Nhằm tiếp cận và làm quen với những chuẩn mực kế toán có tính quốc tế hóa cao, giúp Công ty thuận lợi hơn trong việc xúc tiến các hoạt động kinh doanh với các nhà đầu tư quốc tế, trong thời gian qua Ban Điều hành Công ty đã triển khai việc định giá một số tài sản của Công ty theo chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế IFRS và đưa giá trị tài sản Công ty về giá trị thực cũng như đánh giá kết quả hoạt động SXKD của Công ty dựa theo chuẩn mực kế toán quốc tế, Ban điều hành xin báo cáo về kết quả theo IFRS như sau:*

### Kết quả kinh doanh năm 2021 theo IRFS:

- Kết quả kinh doanh:

Chỉ tiêu	VAS 2021	IFRS 2021	Ảnh hưởng của chuyển đổi sang IFRS
Doanh thu	202,68	202,68	-
Giá vốn	-218,31	-219,85	-1,54
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>-15,63</b>	<b>-17,18</b>	<b>-1,54</b>
Các khoản thu nhập khác	2,84	177,02	174,18
Chi phí bán hàng	-14,21	-14,21	-



Chỉ tiêu	VAS 2021	IFRS 2021	Ảnh hưởng của chuyển đổi sang IFRS
Chi phí quản lý doanh nghiệp	-39,20	-34,11	5,09
Các khoản chi phí hoạt động khác	-1,74	-1,74	-
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>-67,94</b>	<b>109,79</b>	<b>177,73</b>
Doanh thu tài chính	77,88	78,44	0,56
Chi phí tài chính	-87,08	-86,05	1,02
Lợi nhuận từ công ty liên doanh, liên kết	5,53	-26,37	-31,90
<b>Lợi nhuận trước thuế của hoạt động kinh doanh còn tiếp tục</b>	<b>-71,60</b>	<b>75,81</b>	<b>147,41</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-2,43	-2,43	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-4,15	-39,46	-35,31
<b>Tổng lợi nhuận sau thuế</b>	<b>-78,19</b>	<b>33,92</b>	<b>112,10</b>
<b>Phân bổ cho:</b>			
+ Cổ đông Công ty mẹ	-73,50	41,08	114,58
+ Cổ đông không kiểm soát	-4,69	-7,17	-2,48

- Báo cáo thu nhập toàn diện:

Chỉ tiêu	VAS 2021	IFRS 2021	Ảnh hưởng của chuyển đổi sang IFRS
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>-78,19</b>	<b>33,92</b>	<b>112,10</b>
<b>Các khoản thu nhập toàn diện khác:</b>			<b>-</b>
<i>Các khoản thu nhập toàn diện khác có thể phân loại lại vào báo cáo lãi lỗ trong các kỳ sau (sau thuế)</i>			-
Chênh lệch giá trị hợp lý các khoản đầu tư vào công cụ nợ	-	-	-
Thu nhập toàn diện khác từ các công ty liên doanh, liên kết	-	-	-
<b>Lãi/(lỗ) thuần từ thu nhập toàn diện khác được phân loại lại thành lãi hoặc lỗ trong các kỳ sau</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>



Chỉ tiêu	VAS 2021	IFRS 2021	Ảnh hưởng của chuyển đổi sang IFRS
<i>Các khoản thu nhập toàn diện khác không được phân loại lại vào báo cáo lãi lỗ trong các kỳ sau:</i>			-
Chênh lệch giá trị hợp lý tài sản hữu hình, vô hình	-	85,37	85,37
Chênh lệch giá trị hợp lý các khoản đầu tư vào công cụ vốn	-	-	-
Thu nhập toàn diện khác từ các công ty liên doanh, liên kết	-	96,15	96,15
<b>Lãi/(lỗ) thuần từ thu nhập toàn diện khác không được phân loại lại thành lãi hoặc lỗ trong các kỳ sau</b>	<b>-</b>	<b>181,52</b>	<b>181,52</b>
<b>Lãi/(lỗ) sau thuế từ thu nhập toàn diện khác trong năm</b>	<b>-</b>	<b>181,52</b>	<b>181,52</b>
<b>Tổng thu nhập toàn diện sau thuế trong năm</b>	<b>-78,19</b>	<b>215,44</b>	<b>293,62</b>
<b>Phân bổ cho:</b>			
Cổ đông Công ty mẹ	-73,50	193,43	266,93
Cổ đông không kiểm soát	-4,69	22,00	26,69

- Bảng cân đối kế toán:

Chỉ tiêu	VAS 2021	IFRS 2021	Ảnh hưởng của chuyển đổi sang IFRS
<b>TÀI SẢN</b>			
<b>Tài sản dài hạn khác</b>			
Bất động sản, nhà xưởng và thiết bị	1.887,73	2.083,06	195,33
Bất động sản đầu tư	-	-	-
Lợi thế thương mại	17,06	0,00	-17,06
Tài sản vô hình	6,57	3,80	-2,77
Quyền sử dụng tài sản	-	-	-
Tài sản dở dang dài hạn	0,42	0,42	-
Đầu tư vào công ty con	-	-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	181,96	712,40	530,45



Chỉ tiêu	VAS 2021	IFRS 2021	Ảnh hưởng của chuyển đổi sang IFRS
Đầu tư vốn vào đơn vị khác	143,15	110,46	-32,69
Tài sản tài chính khác	-	-	-
Tài sản phát sinh theo hợp đồng	-	-	-
Phải thu khách hàng và phải thu khác	0,01	0,01	-
Trả tiền trước cho người bán	0,92	0,92	-
Tài sản thuế hoãn lại	-	19,53	19,53
Các khoản chi phí trả trước dài hạn	7,73	7,73	-
Tài sản dài hạn khác	-	-	-
<b>Tổng tài sản dài hạn khác</b>	<b>2.245,53</b>	<b>2.938,31</b>	<b>692,78</b>
<b>Tài sản ngắn hạn</b>			
Hàng tồn kho	17,57	17,57	-
Phải thu khách hàng và phải thu khác	15,79	15,79	-
Trả tiền trước cho người bán	0,15	0,15	-
Tài sản tài chính khác	16,61	16,61	-
Các khoản đầu tư nắm giữ cho mục đích kinh doanh	-	-	-
Các khoản chi phí trả trước ngắn hạn và tài sản ngắn hạn khác	22,72	22,72	-
Tiền và các khoản tương đương tiền	41,82	41,82	-
Tài sản dài hạn nắm giữ chờ bán	-	-	-
<b>Tổng tài sản ngắn hạn</b>	<b>114,66</b>	<b>114,66</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>2.360,20</b>	<b>3.052,98</b>	<b>692,78</b>
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU VÀ NỢ PHẢI TRẢ</b>			
<b>Vốn chủ sở hữu</b>			
Vốn cổ phần	645,22	645,22	-
Thặng dư vốn cổ phần	161,81	161,81	-
Cổ phiếu quỹ	-	-	-
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	-	-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-
Quỹ đầu tư phát triển	18,54	18,54	-



Chỉ tiêu	VAS 2021	IFRS 2021	Ảnh hưởng của chuyển đổi sang IFRS
Các quỹ dự trữ khác	-	665,79	665,79
Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	0,08	0,08	-
Lợi nhuận chưa phân phối	139,57	61,99	-77,58
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	411,00	481,86	70,86
<b>Tổng vốn chủ sở hữu</b>	<b>1.376,22</b>	<b>2.035,29</b>	<b>659,07</b>
<b>Nợ dài hạn</b>			
Vay và nợ dài hạn	501,87	493,49	-8,38
Phải trả người bán dài hạn	-	-	-
Tạm ứng dài hạn của khách hàng	-	-	-
Các khoản phải trả dài hạn khác	-	-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	-	-	-
Nợ phải trả phát sinh từ hợp đồng	-	-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	19,57	61,36	41,79
<b>Tổng nợ dài hạn</b>	<b>521,43</b>	<b>554,84</b>	<b>33,41</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>			
Phải trả người bán và phải trả khác	43,92	43,92	-
Vay và nợ ngắn hạn	414,75	415,06	0,30
Nợ phải trả phát sinh từ hợp đồng	-	-	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước	2,19	2,19	-
Phải trả người lao động	0,60	0,60	-
Tạm ứng ngắn hạn của khách hàng	0,13	0,13	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	0,95	0,95	-
Dự phòng phải trả ngắn hạn	-	-	-
Nợ phải trả liên quan đến tài sản nắm giữ chờ bán	-	-	-
<b>Tổng nợ ngắn hạn</b>	<b>462,54</b>	<b>462,84</b>	<b>0,30</b>
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>983,97</b>	<b>1.017,68</b>	<b>33,71</b>
<b>TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU VÀ NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>2.360,20</b>	<b>3.052,98</b>	<b>692,78</b>



### **III. KẾ HOẠCH NĂM 2022**

#### **1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022**

Năm 2022 dự kiến tiếp tục khó khăn khi doanh thu dù dự kiến sẽ tăng nhưng vẫn chưa đủ bù đắp các chi phí và do đó sẽ tiếp tục chịu lỗ trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên, Ban Điều hành sẽ tiếp tục nỗ lực để giải quyết những khó khăn về sản xuất cũng như thực hiện các giải pháp tài chính để giúp Công ty cải thiện kết quả kinh doanh trong kỳ, tiến tới thoát lỗ sau thuế. Các mục tiêu và giải pháp chủ yếu như sau:

##### **1.1. Nâng cao hiệu quả hoạt động của các dự án, các Công ty thành viên**

- Dự án Củ Chi:
  - Tăng số lượng khách hàng khối sản xuất, qua đó tăng sản lượng ghi thu và giá bán bình quân.
  - Tiếp tục làm việc với UBND Thành phố, các sở ban ngành và ban quản lý của các KCN trên địa bàn để thúc đẩy việc chuyển từ nước ngầm sang sử dụng nước mặt do Công ty cung cấp. Cùng với đó, Công ty sẽ làm việc với SXD, Hepza và các đơn vị cấp nước khác trên địa bàn nhận chuyển giao quyền cung cấp nước cho các doanh nghiệp trong KCN.
  - Tăng cường ứng dụng CNTT trong quản lý.
  - Tăng cường các biện pháp giảm thất thoát nước, kiểm soát chi phí hoạt động, tăng sản lượng ghi thu, phấn đấu đạt sản lượng 37.500 m<sup>3</sup>/ngày đêm vào cuối năm 2022.
- Công ty Saigon Dankia:
  - Kiểm soát chi phí hoạt động, tiết giảm chi phí;
  - Làm việc với Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng để đảm bảo sản lượng đạt mức 28.000 m<sup>3</sup>/ngày như kế hoạch.
  - Dự kiến thoái toàn bộ vốn tại SDW vào tháng 03/2022 nhằm giải quyết khó khăn về dòng tiền và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Công ty cổ phần cấp thoát nước Gia lai
  - Tăng cường các giải pháp giảm thất thoát nước;
  - Phối hợp với BQL dự án TP. Pleiku thực hiện đầu tư cải tạo thay thế mạng cấp nước cũ khi BQL dự án TP thực hiện các dự án cải tạo và nâng cấp đô thị, giúp tiết kiệm chi phí, nâng cao hiệu quả hoạt động.
  - Tăng cường ứng dụng CNTT trong quản lý;
  - Phối hợp với SXD, sở TNMT thực hiện các giải pháp giảm khai thác nước ngầm tại các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố.



- Trình phê duyệt giá nước bán lẻ điều chỉnh sau khi giá bán nước sỉ của SPW được phê duyệt.
- Công ty cổ phần Cấp nước Saigon Pleiku
  - Kiểm soát chi phí hoạt động, tiết giảm chi phí;
  - Thực hiện cung cấp nước cho khu công nghiệp Trà Đa.
  - Trình UBND Tỉnh phê duyệt giá bán sỉ nước sạch cho GLW trong Quý 1/2022.
  - Làm việc với UBND tỉnh, FLC, huyện Dakdoa để sớm có giải pháp cấp nước cho FLC và Dakdoa.
- Công ty cổ phần cấp nước SG-An Khê
  - Tăng cường các giải pháp chống thất thoát;
  - Làm việc với UBND tỉnh, UBND thị xã để triển khai các giải pháp tăng sản lượng;
  - Làm việc với UBND Tỉnh để triển khai dự án nước sạch nông thôn cho 6 xã thuộc Thị xã An Khê và huyện Đakpơ;
  - Trình giá nước bán lẻ điều chỉnh.

### **1.2. Tiếp tục tìm kiếm các giải pháp tài chính cho các nghĩa vụ tài chính thông qua việc khai thác các tài sản hiện có:**

- Tiếp tục tìm kiếm cơ hội thoái vốn tại các công ty Saigon Dankia (SDW), Saigon An Khê (SAW). Công ty cũng sẽ xem xét tiến hành giảm tỷ lệ sở hữu tại SPW xuống còn 49%.
- Huy động các nguồn vốn mới: các tài sản là cổ phần của các công ty nêu trên đều có thể dùng làm tài sản thế chấp để huy động vốn (ngoại trừ cổ phần Tân Hiệp và SDW đang được sử dụng làm tài sản bảo đảm cho CII thế chấp cho khoản vay của CII tại TPBank). Tuy nhiên trong bối cảnh Công ty gặp khó khăn trong việc huy động vốn từ bên ngoài do đang chịu lỗ, Công ty sẽ phải tìm giải pháp thoái vốn một số khoản đầu tư.

### **1.3. Công tác quản lý điều hành**

- Tinh gọn danh mục bằng cách thoái vốn một số dự án không hiệu quả ra khỏi danh mục. Tìm đối tác chuyển nhượng một số dự án như Dankia, ... xây dựng kế hoạch dòng tiền đảm bảo khả năng trả nợ cũng như chi phí hoạt động giúp công ty phát triển bền vững.
- Tiếp tục làm việc với việc UBND Thành phố, các sở ban ngành và ban quản lý của các KCN trên địa bàn để thúc đẩy việc chuyển từ nước ngầm sang sử dụng nước mặt do Công ty cung cấp. Cùng với đó, Công ty sẽ làm việc với UBND TP, Sở



Xây dựng, BQL các khu CN để nhận chuyển giao quyền cung cấp nước cho các doanh nghiệp trong KCN.

- Tăng cường các giải pháp kỹ thuật để giảm thất thoát nước, giảm tiêu hao điện năng;
- Áp dụng CNTT trong quản lý, tăng cường các kênh thu hộ để giảm chi phí hoạt động, nâng cao chất lượng dịch vụ.

#### 1.4. Kế hoạch kinh doanh đề xuất cho năm 2022 như sau:

Chỉ tiêu (Đvt: tỷ đồng)	Kế hoạch 2022
Tổng doanh thu	362,46
Tổng chi phí	327,30
Lợi nhuận trước thuế	35,17
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>32,83</b>
<b>LNST của cổ đông cty mẹ</b>	<b>28,83</b>

Chi tiết theo từng công ty như sau:

Công ty (Đvt: tỷ đồng)	Kế hoạch 2022
SII mẹ	98,21
Dự án Củ Chi	(86,74)
CTCP Kỹ thuật Enviro	(0,01)
Saigon - Dankia	3,11
Saigon - Pleiku	(1,23)
CTCP CTN Gia Lai	8,67
Saigon An Khê	-
CTCP Đầu tư nước Tân Hiệp	81,52
Điều chỉnh hợp nhất	(70,70)
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>32,83</b>
Lợi ích của cổ đông thiểu số	4,01
<b>LNST của cổ đông cty mẹ</b>	<b>28,83</b>

## 2. Kế hoạch tài chính năm 2022

- Một số thông số và giả định chủ yếu trong dự phóng dòng tiền của Saigon Water năm 2022 như sau:

- Dự kiến nhận cổ tức từ Tân Hiệp 61,92 tỷ (25,8 tỷ dự kiến nhận vào tháng 4/2022, tháng 12/2022 dự kiến nhận tạm ứng cổ tức năm 2022 với tỷ lệ 35% tương ứng với 36,12 tỷ đồng), và GLW 2,75 tỷ, BOO 9 tỷ.
  - Thoái vốn để giảm tỷ lệ sở hữu tại Saigon Pleiku xuống còn 49% từ tháng 02/2022, đồng thời vẫn tiếp tục hỗ trợ tài chính cho Saigon Pleiku 1 tỷ đồng trong Quý 2, 4 tỷ đồng trong Quý 3 và 8,75 tỷ đồng trong Quý 4 năm 2022 (tổng cộng 13,75 tỷ trong năm 2022); trong năm 2023, SII sẽ tiếp tục hỗ trợ khoảng 13,2 tỷ đồng để Saigon Pleiku thanh toán số vốn gốc còn lại. Khi có nguồn giải ngân cho việc hỗ trợ sẽ trình xin ý kiến Hội đồng Quản trị về việc hỗ trợ này.
  - Thoái vốn một số khoản đầu tư để xử lý khó khăn về tiền mặt: thoái vốn SDW vào tháng 03/2022. Tổng số tiền thoái vốn thu về dự kiến được dùng để trả nợ.
  - Chi đầu tư dự án Củ Chi 5 tỷ đồng.
  - Trong những năm sau, khi SII cân đối được nguồn tài chính sẽ hoàn trả dần các khoản hỗ trợ vốn và các khoản công nợ cho các cổ đông.
- Dòng tiền dự kiến năm 2022-2030: (vui lòng xem Phụ lục đính kèm)

Trên đây là báo cáo tình hình hoạt động năm 2020 và kế hoạch năm 2021 của Công ty Saigon Water.



**NGUYỄN VĂN THÀNH**



## PHỤ LỤC

### DÒNG TIỀN NĂM 2021 VÀ KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH NĂM 2022 – 2030

#### 1. Dòng tiền chi tiết năm 2021:

Chỉ tiêu	T1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	2021
Số dư tiền mặt đầu kỳ	1,83	4,89	2,84	2,34	1,30	2,51	1,30	1,25	1,51	1,70	2,31	3,13	1,8
Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh	1,35	-2,04	-0,54	-0,46	-1,02	-1,20	-0,01	0,26	0,19	-3,36	0,82	2,86	-3,1
Chi phí hoạt động của SGW	-0,81	-0,83	-0,77	-0,87	-0,73	-0,66	-0,65	-0,69	-0,67	-0,72	-0,87	-1,08	-9,2
Dòng tiền hoạt động thuần của Dự án Cù Chi	2,16	-1,22	0,23	0,41	-0,29	-0,54	0,64	0,94	0,86	-2,64	1,69	3,31	5,4
Dòng tiền từ hoạt động đầu tư	-0,24	-	-4,50	19,61	10,32	-	-4,00	-	-	11,75	-	32,23	65,1
Chi đầu tư Dự án Cù Chi	-0,24	-	-	-1,03	-	-	-	-	-	-	-	-3,89	-5,1
Thu hồi / (Chi) hỗ trợ tài chính cho SPW	-	-	-4,50	-	-	-	-4,00	-	-	-	-	-	-8,4
Cổ tức nhận được từ BOO TDW	-	-	-	-	-	-	-	-	-	9,00	-	-	9,0
Cổ tức nhận được từ Gia Lai	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2,75	-	-	2,7
Cổ tức nhận được từ Tân Hiệp	-	-	-	20,64	10,32	-	-	-	-	-	-	36,12	67,0
Dòng tiền từ hoạt động tài chính	1,96	-0,01	4,53	-20,18	-8,10	-0,01	3,96	-	-	-7,78	-	-	-25,0
Trả nợ trái phiếu VIB	-42,50	-	-21,25	-	-21,25	-	-	-	-	-	-	-	-85,0
Trả nợ vay Vietinbank cho DA Cù Chi GD1	-8,61	-	-	-14,19	-	-	-14,19	-	-	-0,19	-	-	-37,1
Trả nợ vay Vietinbank cho DA Cù Chi GD2	-0,50	-	-	-0,50	-	-	-1,00	-	-	-1,00	-	-	-3,0
CP lãi vay Vietinbank cho DA Cù Chi GD1	-0,26	-	-0,91	-	-0,34	-	-	-	-	-	-	-	-1,5
CP lãi vay Vietinbank cho DA Cù Chi GD2	-10,48	-	-	-10,18	-	-	-9,83	-	-	-3,04	-	-	-33,4
Trả nợ vay Vietinbank cho DA Cù Chi GD1	-3,98	-	-	-3,76	-	-	-3,72	-	-	-3,55	-	-	-15,0
Nhận hỗ trợ vốn	84,50	-	28,70	10,00	13,50	-	33,70	-	-	-	-	-	170,4
Trả nợ vay HDBank	-0,01	-0,01	-0,01	-0,01	-0,01	-0,01	-1,01	-0,00	-0,00	-0,00	-0,00	-0,00	-1,0
Chuyển tiền cho CII trả nợ vay TPB	-	-1,04	-0,96	-4,40	-1,01	-3,20	-2,14	-2,00	-2,00	-2,00	-2,00	-2,00	-22,7
Vay Saigon Dankia	-16,20	1,04	-1,04	2,86	1,01	3,20	2,15	2,00	2,00	2,00	2,00	2,00	3,0
<b>DÒNG TIỀN THUẦN TRONG KỲ</b>	<b>3,07</b>	<b>-2,05</b>	<b>-0,50</b>	<b>-1,03</b>	<b>1,20</b>	<b>-1,20</b>	<b>-0,05</b>	<b>0,26</b>	<b>0,19</b>	<b>0,61</b>	<b>0,82</b>	<b>35,09</b>	<b>36,2</b>
Số dư tiền mặt cuối kỳ	4,89	2,84	2,34	1,30	2,51	1,30	1,25	1,51	1,70	2,31	3,13	38,22	38,2



**2. Kế hoạch dòng tiền năm 2022:**

Chỉ tiêu	T1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	2022
Số dư tiền mặt đầu kỳ	38,22	6,71	7,41	0,02	0,33	1,57	1,76	0,68	2,12	9,70	0,43	1,91	38,22
Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh	-3,78	0,69	1,14	1,07	1,25	1,18	1,38	1,44	1,36	1,56	1,48	0,29	9,1
Chi phí hoạt động của SGW	-1,18	-0,71	-0,71	-0,71	-0,72	-0,71	-0,71	-0,71	-0,71	-0,71	-0,71	-1,18	-9,4
Dòng tiền hoạt động thuần của Dự án Cù Chi	-2,60	1,41	1,85	1,78	1,97	1,90	2,09	2,15	2,07	2,27	2,19	1,47	18,2
Dòng tiền từ hoạt động đầu tư	-	-	-180,00	25,80	-	-1,00	2,75	-	6,23	-	-	22,37	236,2
Chi đầu tư Dự án Cù Chi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-5,00	-5,0
Thu hồi / (Chi) hỗ trợ tài chính cho SPW	-	-	-	-	-	-1,00	-	-	-4,00	-	-	-8,75	-13,2
Thoái vốn Saigon Dankia	-	-	180,00	-	-	-	-	-	-	-	-	-	180,0
Cổ tức nhận được từ BOO TDW	-	-	-	-	-	-	-	-	10,23	-	-	-	10,2
Cổ tức nhận được từ Gia Lai	-	-	-	-	-	-	2,75	-	-	-	-	-	2,7
Cổ tức nhận được từ Tân Hiệp	-	-	-	25,80	-	-	-	-	-	-	-	36,12	61,2
Dòng tiền từ hoạt động tài chính	-27,73	-	-188,52	-26,56	-	-	-5,21	-	-	-10,83	-	-	-258,2
Trả nợ vay Vietinbank cho DA Cù Chi GD1	-14,19	-	-	-15,61	-	-	-22,61	-	-	-22,61	-	-	-75,0
Trả nợ vay Vietinbank cho DA Cù Chi GD2	-1,00	-	-	-1,00	-	-	-1,00	-	-	-1,00	-	-	-4,0
CP lãi vay Vietinbank cho DA Cù Chi GD1	-9,08	-	-	-14,59	-	-	-8,22	-	-	-7,83	-	-	-39,2
CP lãi vay Vietinbank cho DA Cù Chi GD2	-3,46	-	-	-3,36	-	-	-3,38	-	-	-3,39	-	-	-13,2
Nhận hỗ trợ vốn	-	-	4,00	8,00	-	-	30,00	-	-	24,00	-	-	66,0
Hoàn trả hỗ trợ vốn	-	-	-180,00	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-180,0
Chuyển tiền cho CII trả nợ vay TPB	-4,28	-0,97	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-5,2
Vay Saigon Dankia	4,28	0,97	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	5,2
Trả nợ vay Saigon Dankia	-	-	-12,52	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-12,5
<b>DÒNG TIỀN THUẦN TRONG KỲ</b>	<b>-31,51</b>	<b>0,69</b>	<b>-7,39</b>	<b>0,31</b>	<b>1,25</b>	<b>0,18</b>	<b>-1,08</b>	<b>1,44</b>	<b>7,59</b>	<b>-9,27</b>	<b>1,48</b>	<b>22,66</b>	<b>-13,1</b>
Số dư tiền mặt cuối kỳ	6,71	7,41	0,02	0,33	1,57	1,76	0,68	2,12	9,70	0,43	1,91	24,57	24,5



3. Dòng tiền dự phóng năm 2022 – 2030:

Chỉ tiêu	2022	2023	2024	2025	2026	2027	2028	2029	2030
Số dư tiền mặt đầu kỳ	38,22	24,57	0,35	0,65	0,67	2,12	3,79	10,15	201,61
<b>Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>9,05</b>	<b>27,22</b>	<b>37,01</b>	<b>55,55</b>	<b>62,10</b>	<b>84,82</b>	<b>92,12</b>	<b>119,27</b>	<b>122,30</b>
Chi phí hoạt động của SGW	-9,49	-10,39	-10,68	-10,68	-11,65	-11,65	-12,70	-12,70	-13,87
Dòng tiền hoạt động thuần của Dự án Cù Chi	18,54	37,60	47,70	66,23	73,75	96,46	104,83	131,98	136,16
<b>Dòng tiền từ hoạt động đầu tư</b>	<b>236,15</b>	<b>52,96</b>	<b>77,38</b>	<b>89,53</b>	<b>98,94</b>	<b>101,69</b>	<b>102,61</b>	<b>102,61</b>	<b>108,12</b>
Chi đầu tư Dự án Cù Chi	-5,00	-20,00	-20,00	-20,00	-20,00	-20,00	-20,00	-20,00	-20,00
Thu hồi / (Chi) hỗ trợ tài chính cho SPW	-13,75	-13,18	-	-	-	-	-	-	-
Thoái vốn Saigon Dankia	180,00	-	-	-	-	-	-	-	-
Cổ tức nhận được từ BOO TDW	10,23	10,23	10,23	10,23	10,23	10,23	10,23	10,23	10,23
Cổ tức nhận được từ Gia Lai	2,75	3,67	4,59	6,43	5,51	8,26	9,18	9,18	14,69
Cổ tức nhận được từ Tân Hiệp	61,92	72,24	82,56	92,88	103,20	103,20	103,20	103,20	103,20
<b>Dòng tiền từ hoạt động tài chính</b>	<b>-258,85</b>	<b>-104,39</b>	<b>-114,08</b>	<b>-145,06</b>	<b>-159,59</b>	<b>-184,84</b>	<b>-188,37</b>	<b>-30,42</b>	<b>-28,21</b>
Trả nợ vay Vietinbank cho DA Cù Chi GD1	-75,02	-86,92	-98,44	-101,99	-55,45	-	-	-	-
Trả nợ vay Vietinbank cho DA Cù Chi GD2	-4,00	-4,00	-4,00	-4,00	-13,50	-23,00	-23,00	-23,00	-23,00
CP lãi vay Vietinbank cho DA Cù Chi GD1	-39,72	-28,50	-20,02	-10,87	-1,94	-	-	-	-
CP lãi vay Vietinbank cho DA Cù Chi GD2	-13,59	-14,97	-14,62	-14,20	-13,70	-11,84	-9,65	-7,42	-5,21
Nhận hỗ trợ vốn	66,00	30,00	23,00	-	-	-	-	-	-
Hoàn trả hỗ trợ vốn	-180,00	-	-	-14,00	-75,00	-150,00	-155,72	-	-
Chuyển tiền cho CII trả nợ vay TPB	-5,25	-	-	-	-	-	-	-	-
Vay Saigon Dankia	5,25	-	-	-	-	-	-	-	-
Trả nợ vay Saigon Dankia	-12,52	-	-	-	-	-	-	-	-
<b>DÒNG TIỀN THUẬN TRONG KỲ</b>	<b>-13,65</b>	<b>-24,22</b>	<b>0,31</b>	<b>0,02</b>	<b>1,45</b>	<b>1,67</b>	<b>6,36</b>	<b>191,46</b>	<b>202,20</b>
<b>Số dư tiền mặt cuối kỳ</b>	<b>24,57</b>	<b>0,35</b>	<b>0,65</b>	<b>0,67</b>	<b>2,12</b>	<b>3,79</b>	<b>10,15</b>	<b>201,61</b>	<b>403,81</b>

*Ho Chi Minh city, February 25<sup>th</sup>, 2022*

**REPORT  
BUSINESS RESULTS IN 2021  
AND PLAN FOR 2022**

**I. REPORT ON 2021 BUSINESS RESULTS**

**1. Overview:**

2021 was still a difficult year for the economy as the Covid-19 pandemic persisted. The city-wide social distancing period caused production, business and service activities to close, reducing the amount of water supplied for production, commercial and service, and reducing the average water tariff. The Company also has a policy to reduce water tariffs for water users, free water for isolation centers and field hospitals under the direction of local authorities and the Prime Minister. The above reasons strongly affected the Company's business results, sales volume, average tariff low growth rate, and resulting in the Company failed to meet the plan assigned by the General Meeting of Shareholders.

**1.1. Achievements:**

- Increased billed volume of Cu Chi, Dankia and Gia Lai despite the difficulties of the pandemic;
- Worked with Industrial Parks in Cu Chi District, currently supplying water to a number of Industrial Parks such as Northwest (Saigon Beer), a portion of Tan Phu Trung Industrial Park, Hoa Phu Industrial Park;
- Implemented epidemic prevention and control to ensure water supply even in the condition of the city's social distancing policy;
- Strictly managed operating costs, constantly improved operational efficiency in the face of financial difficulties, minimized damage caused by social distancing and stoppage of production and business activities.

**1.2. Challenges:**

- Has not received the right to distribute water in the Northwest and Southeast industrial zones. Only partially supplied water to Tan Phu Trung Industrial Park;



- Due to the complicated situation of the Covid-19 pandemic, businesses had to stop operating and only partially went into operation at the end of the year, resulting in low billed volume and average tariff, thus not meeting the plan;
- Still not be able to find a partner for the divestments of some ineffective projects;
- Has been asking for financial supports from the parent company (CII) to pay debts.

## 2. Financial situation in 2021

In 2021, Cu Chi, Saigon Pleiku and Saigon An Khe was unable to balance revenue and expenditure by themselves and Saigon Water had to provide financial supports to Saigon Pleiku. Besides, the Company has not been able to increase capital by issuing shares or bonds. Therefore, the Company had to ask for financial supports from CII Parent Company to pay its debt obligations, avoiding overdue debts. The specific financial activities of the Company are as follows:

- BOO Thu Đức: received 2020 dividend rate of around 9 billion (22% of par value);
- Gia Lai Water Supply and Sewerage Joint Stock Company: received 2020 dividend rate of VND 2.75 billion (3% of par value).
- Tan Hiep: received 2020 dividend rate for the second phase of VND 10.32 billion (with 10.32 billion received in 2020, the total 2020 dividend rate received from Tan Hiep is 41.28 billion, equivalent to 40% of par value); received the advance for the 2021 dividend rate of 36.12 billion.
- Received about VND 170 billion of capital support from CII parent company;
- Provided financial support to Saigon Pleiku (8.5 billion);
- Paid principal and interest obligations from Vietinbank loans;
- Paid off all bonds and recovered mortgaged assets at VIB.

## 3. 2021 BUSINESS RESULTS

### 3.1. Consolidated report for 2021:

Item (in VND million)	Actual 2021	Actual 2020	2021 vs. 2020
Total consumption (million m3)	29.30	28.37	103%
Average daily consumption (m3/day)	80,265	77,724	103%
Average tariff (VND/m3)	7,063	6,963	101%
<b>Total revenue</b>	<b>307,991</b>	<b>322,608</b>	<b>95%</b>
Income from water supply	206,913	197,530	105%
Income from service providing and installation	6,665	10,705	62%
Income from other financial activities	78,835	84,313	94%

Item (in VND million)	Actual 2021	Actual 2020	2021 vs. 2020
Other income	2,836	15,379	18%
Income from deposit & loan interests	12,742	14,680	87%
<b>Total costs</b>	<b>397,123</b>	<b>437,585</b>	<b>91%</b>
Direct costs	138,116	134,102	103%
Indirect costs	60,762	84,683	72%
Depreciation cost	94,439	96,273	98%
Financial expenses	102,071	117,942	87%
Other expenses	1,735	4,583	38%
<b>Profits from subsidiaries and associates</b>	<b>74,514</b>	<b>57,092</b>	<b>131%</b>
<b>Consolidation adjustments</b>	<b>(56,982)</b>	<b>(45,238)</b>	<b>126%</b>
<b>Profit/(Loss) before tax</b>	<b>(71,600)</b>	<b>(103,122)</b>	<b>69%</b>
Current CIT	2,432	1,935	126%
Deferred CIT	4,155	5,961	70%
<b>Profit/(Loss) after corporate income tax</b>	<b>(78,187)</b>	<b>(111,017)</b>	<b>70%</b>
Profit/(Loss) after tax of a non-controlling shareholder	(4,690)	(6,422)	73%
<b>Profit/(Loss) after tax of the shareholders of the Parent Company</b>	<b>(73,498)</b>	<b>(104,595)</b>	<b>70%</b>
<b>Basic earnings per share (VND/share)</b>	<b>(1,139)</b>	<b>(1,621)</b>	<b>70%</b>

### 3.2. Reporting operation results by each member company:

Company	Actual 2021	Actual 2020	Compared to previous year	
Saigon Water	(83,170)	(94,966)	11,796	88%
<i>Parent company</i>	<i>29,104</i>	<i>25,963</i>	<i>3,140</i>	<i>112%</i>
<i>Cu Chi Project</i>	<i>(112,274)</i>	<i>(120,930)</i>	<i>8,656</i>	<i>93%</i>
Enviro	(9,259)	(14,001)	4,742	66%
Saigon - Dankia	11,500	3,170	8,330	363%
Saigon - Pleiku	(14,921)	(16,102)	1,181	93%
Gia Lai WASSCO	4,317	9,208	(4,891)	47%
Saigon - An Khe	-	(4,173)	4,173	0%
Tan Hiep 2	74,514	57,092	17,422	131%
Consolidation adjustments	(61,168)	(51,245)	(9,924)	119%
<b>Profit/(loss) after tax</b>	<b>(78,187)</b>	<b>(111,017)</b>	<b>32,830</b>	<b>70%</b>

### 3.3. Report the business results of company

#### 3.3.1. SII parent company

- SII achieved a profit of over VND 29 billion, an increase of over VND 3 billion compared to last year;



- Financial revenue in 2021 is from the dividends of BOO Thu Duc (9 billion), Gia Lai WASSCO (2.75 billion), and Tan Hiep (67.08 billion including phase 2 of 2020 dividend of 30.96 billion and the advance of 2021 dividend of 36.12 billion). In 2021, the Company did not record any income from divestment as in 2020, therefore the financial income reduced around 5.5 billion.
- Indirect costs decreased by about VND 5 billion due to the provisions for bad debts decreased by more than 3 billion VND, salary expenses decreased by nearly 1.7 billion VND, and other expenses also decreased.
- Interest expense decreased by nearly 6 billion due to the decrease in outstanding loans.

Item (in VND billion)	Actual 2021	Actual 2020	Compared to previous year	
<b>Total revenue</b>	<b>89.31</b>	<b>97.29</b>	<b>(7.98)</b>	<b>92%</b>
Income from deposits and loan interests	10.48	12.98	(2.50)	81%
Other financial income	78.83	84.31	(5.48)	94%
<b>Total expense</b>	<b>60.21</b>	<b>71.33</b>	<b>(11.12)</b>	<b>84%</b>
Indirect cost	24.76	30.01	(5.25)	83%
Depreciation	0.34	0.44	(0.10)	77%
Loan interest & other financial expenses	35.11	40.88	(5.78)	86%
Other income	0.01	-	0.01	
<b>Profit/(Loss) before tax</b>	<b>29.10</b>	<b>25.96</b>	<b>3.14</b>	<b>112%</b>
<b>Profit/(Loss) after tax</b>	<b>29.10</b>	<b>25.96</b>	<b>3.14</b>	<b>112%</b>

### 3.3.2. Cu Chi Project:

- Cu Chi's loss was about 112 billion, decreasing from a loss of about 121 billion in 2020;
- Total output increased by 8%, water revenue increased by 14% (nearly 11 billion). Revenue from installing services decreased by 1 billion due to the pandemic.
- Other costs remained stable: direct costs increased with the increase in output, indirect costs and interest expenses decreased by about 10%.

Item (in VND billion)	Actual 2021	Actual 2020	Compared to the previous year	
<i>Total consumption (million m3)</i>	<i>10.71</i>	<i>9.90</i>	<i>0.80</i>	<i>108%</i>
<i>Daily average consumption</i>	<i>29,333</i>	<i>27,130</i>	<i>2,203</i>	<i>108%</i>
<i>Average tariff (VND/m3)</i>	<i>8,555</i>	<i>8,146</i>	<i>409</i>	<i>105%</i>
<b>Total revenue</b>	<b>93.09</b>	<b>84.21</b>	<b>8.88</b>	<b>111%</b>
Income from water sales	91.55	80.66	10.89	114%
Income from water business	1.07	2.18	(1.11)	47%
Other income	0.03	1.36	(1.33)	2%
Income from deposits and loan interest	0.43	0.01	0.43	7131%
<b>Total expense</b>	<b>205.37</b>	<b>205.14</b>	<b>0.23</b>	<b>100%</b>
Direct cost	68.68	62.45	6.24	110%
Indirect cost	15.62	17.20	(1.58)	91%
Depreciation	66.85	65.80	1.05	102%



Item (in VND billion)	Actual 2021	Actual 2020	Compared to the previous year	
Loan interest, other financial expense	53.18	59.68	(6.49)	89%
Other expenses	1.03	0.02	1.01	4874%
<b>Revenue before tax</b>	<b>(112.27)</b>	<b>(120.93)</b>	<b>8.66</b>	<b>93%</b>
<b>Revenue after tax</b>	<b>(112.27)</b>	<b>(120.93)</b>	<b>8.66</b>	<b>93%</b>

### 3.3.3. Enviro:

- Enviro currently mainly maintained to recover the debts of Phu Ninh project. Indirect costs are mainly provisions for old debts.

Item (in VND billion)	Actual 2021	Actual 2020	Compared to the previous year	
<b>Total revenue</b>	<b>0.38</b>	<b>1.90</b>	<b>(1.52)</b>	<b>20%</b>
Net income from sales and service	-	1.10	(1.10)	0%
Other income	-	0.41	(0.41)	0%
Income from deposits and loan interest	0.38	0.38	(0.00)	99%
<b>Total expense</b>	<b>8.32</b>	<b>15.46</b>	<b>(7.15)</b>	<b>54%</b>
Direct cost	-	2.40	(2.40)	0%
Indirect cost	8.32	12.99	(4.67)	64%
Depreciation	-	0.08	(0.08)	0%
Other expenses	0.66	0.42	0.24	157%
<b>Profit/(Loss) before tax</b>	<b>(8.60)</b>	<b>(13.99)</b>	<b>5.39</b>	<b>61%</b>
CIT	0.66	0.02	0.65	4071%
<b>Profit/(Loss) after tax</b>	<b>(9.26)</b>	<b>(14.00)</b>	<b>4.74</b>	<b>66%</b>

### 3.3.4. Saigon – Dankia:

- Because it did not have to record the provision for bad debts of 8.17 billion VND as in 2020, Saigon Dankia's indirect costs decreased sharply in 2021.
- The company also paid off all loans in 2021, so interest expenses also reduced.
- Profit after tax increased by more than 8 billion VND, achieving a growth of 363% compared to 2020.

Item (in VND billion)	Actual 2021	Actual 2020	Compared to the previous year	
<i>Total consumption (million m3)</i>	<i>9.77</i>	<i>9.69</i>	<i>0.07</i>	<i>101%</i>
<i>Daily average consumption</i>	<i>26,758</i>	<i>26,554</i>	<i>204</i>	<i>101%</i>
<i>Average tariff (VND/m3)</i>	<i>5,826</i>	<i>5,828</i>	<i>-2</i>	<i>100%</i>
<b>Total revenue</b>	<b>57.08</b>	<b>56.49</b>	<b>0.59</b>	<b>101%</b>
Income from water	56.90	56.48	0.42	101%
Income from deposits and loan interest	0.18	0.01	0.17	2117%
<b>Total expense</b>	<b>44.97</b>	<b>52.94</b>	<b>(7.97)</b>	<b>85%</b>
Direct cost	33.27	29.64	3.63	112%
Indirect cost	2.68	11.63	(8.95)	23%
Depreciation	8.32	9.49	(1.17)	88%
Interest expense	0.68	2.19	(1.51)	31%
Other expenses	0.03	-	0.03	
<b>Profit/(Loss) before tax</b>	<b>12.11</b>	<b>3.55</b>	<b>8.56</b>	<b>341%</b>



Item (in VND billion)	Actual 2021	Actual 2020	Compared to the previous year	
CIT	0.61	0.38	0.23	160%
<b>Profit/(Loss) after tax</b>	<b>11.50</b>	<b>3.17</b>	<b>8.33</b>	<b>363%</b>

### 3.3.5. Saigon – Pleiku:

Item (in VND billion)	Actual 2021	Actual 2020	Compared to the previous year	
<i>Total consumption (million m3)</i>	2.38	2.37	0.01	100%
<i>Daily average consumption</i>	6,518	6,496	23	100%
<i>Average tariff (VND/m3)</i>	4,634	4,634	0	100%
<b>Total revenue</b>	<b>11.03</b>	<b>11.31</b>	<b>(0.28)</b>	<b>98%</b>
Income from water	11.03	10.99	0.04	100%
Income from deposits and loan interests	-	0.32	(0.32)	0%
<b>Total expense</b>	<b>25.95</b>	<b>27.41</b>	<b>(1.46)</b>	<b>95%</b>
Direct cost	4.00	4.00	0.00	100%
Indirect cost	0.58	2.51	(1.93)	23%
Depreciation	8.26	8.29	(0.02)	100%
Interest expense	13.10	12.18	0.92	108%
Other expense	0.00	0.43	(0.43)	0%
<b>Profit/(Loss) before tax</b>	<b>(14.92)</b>	<b>(16.10)</b>	<b>1.18</b>	<b>93%</b>
<b>Profit/(Loss) after tax</b>	<b>(14.92)</b>	<b>(16.10)</b>	<b>1.18</b>	<b>93%</b>

### 3.3.6. Gia Lai WASSCO:

- Due to the impact of the covid pandemic, the revenue from construction and installation income and other income decreased by about 11.8 billion;
- However, thanks to tight cost control, the total cost decreased by about 6.3 billion, so the profit after tax only decreased by nearly 5 billion compared to 2020;
- The Company has taken advantage of the city's urban renovation and upgrading projects to renovate and replace the water supply network with low cost, high and long-term efficiency;
- Performed well in the work of water supply, effectively manage and operate in the condition of bad epidemic situation with many areas blocked.

Item (in VND billion)	Actual 2021	Actual 2020	Compared to the previous year	
<i>Total consumption (million m3)</i>	6.44	6.40	0.04	101%
<i>Daily average consumption</i>	17,656	17,544	112	101%
<i>Average tariff (VND/m3)</i>	7,355	7,368	-13	100%
<b>Total revenue</b>	<b>57.10</b>	<b>68.72</b>	<b>(11.62)</b>	<b>83%</b>
Income from water	47.40	47.18	0.21	100%
Income from water business	5.63	6.95	(1.32)	81%
Other income	2.80	13.29	(10.48)	21%
Income from deposit and loan interests	1.27	1.30	(0.03)	97%
<b>Total expense</b>	<b>51.62</b>	<b>57.97</b>	<b>(6.35)</b>	<b>89%</b>
Direct cost	32.16	34.27	(2.11)	94%
Indirect cost	8.78	9.98	(1.19)	88%



Depreciation	10.67	10.01	0.66	107%
Financial expenses	0.01	0.01	(0.00)	76%
Other expenses	0.00	3.71	(3.71)	0%
<b>Profit/(Loss) before tax</b>	<b>5.48</b>	<b>10.75</b>	<b>(5.27)</b>	<b>51%</b>
CIT	1.16	1.54	(0.37)	76%
<b>Profit/(Loss) after tax</b>	<b>4.32</b>	<b>9.21</b>	<b>(4.89)</b>	<b>47%</b>

### 3.3.7. Saigon – An Khe:

- A 5% increase in water revenue compared to 2020 helped An Khe reduce its loss from 14.9 billion in 2020 to 12 billion in 2021.

Item (in VND billion)	Actual 2021	Actual 2020	Compared to the previous year	
<i>Total consumption (million m3)</i>	1.54	1.45	0.09	106%
<i>Daily average consumption</i>	4,220	3,978	242	106%
<i>Average tariff (VND/m3)</i>	6,671	6,742	-71	99%
<b>Total revenue</b>	<b>12.00</b>	<b>12.18</b>	<b>(0.18)</b>	<b>99%</b>
Income from water	10.28	9.79	0.49	105%
Income from water service	1.64	2.35	(0.71)	70%
Other income	0.08	0.04	0.04	212%
Income from deposits and loan interests	0.00	0.00	0.00	262%
<b>Total expense</b>	<b>24.06</b>	<b>27.03</b>	<b>(2.97)</b>	<b>89%</b>
Direct cost	5.37	5.71	(0.34)	94%
Indirect cost	0.78	1.06	(0.28)	74%
Depreciation	7.58	8.72	(1.14)	87%
Interest expense	10.33	11.54	(1.20)	90%
<b>Profit/(Loss) before tax</b>	<b>(12.06)</b>	<b>(14.85)</b>	<b>2.79</b>	<b>81%</b>
<b>Profit/(Loss) after tax</b>	<b>(12.06)</b>	<b>(14.85)</b>	<b>2.79</b>	<b>81%</b>

### 3.3.8. Tan Hiep 2:

- Tan Hiep achieved a profit of VND 173.3 billion, an increase of more than VND 40.5 billion with a growth of 31% compared to 2020.

Item (in VND billion)	Actual 2021	Actual 2020	Compared to the previous year	
<i>Total consumption (million m3)</i>	96.74	91.59	5.15	106%
<i>Daily average consumption</i>	265,040	250,931	14,108	106%
<i>Average tariff (VND/m3)</i>	4,623	4,346	277	106%
<b>Total revenue</b>	<b>451.28</b>	<b>406.62</b>	<b>44.66</b>	<b>111%</b>
Income from water	447.22	398.02	49.20	112%
Other income	3.96	8.02	(4.06)	49%
Income from deposit and loan interests	0.10	0.58	(0.48)	17%
<b>Total expense</b>	<b>269.05</b>	<b>274.01</b>	<b>(4.95)</b>	<b>98%</b>
Direct costs	159.08	159.49	(0.41)	100%
Indirect costs	19.02	7.64	11.37	249%
Depreciation	53.53	52.90	0.63	101%
Interest expenses	37.43	53.98	(16.55)	69%
Other expenses	0.35	0.16	0.20	226%
<b>Profit/(Loss) before tax</b>	<b>182.58</b>	<b>132.77</b>	<b>49.81</b>	<b>138%</b>
CIT	9.29	-	9.29	



Item (in VND billion)	Actual 2021	Actual 2020	Compared to the previous year	
Profit/(Loss) after tax	173.29	132.77	40.52	131%

### 3.4 SII's cashflow in 2021:

Item	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	2021
Beginning Cash Balance	1.83	4.89	2.84	2.34	1.30	2.51	1.30	1.25	1.51	1.70	2.31	3.13	1.83
<b>Operating Activities</b>	<b>1.35</b>	<b>-2.04</b>	<b>-0.54</b>	<b>-0.46</b>	<b>-1.02</b>	<b>-1.20</b>	<b>-0.01</b>	<b>0.26</b>	<b>0.19</b>	<b>-3.36</b>	<b>0.82</b>	<b>2.86</b>	<b>-3.16</b>
Operating expenses of SGW	-0.81	-0.83	-0.77	-0.87	-0.73	-0.66	-0.65	-0.69	-0.67	-0.72	-0.87	-1.08	-9.35
Net Cash Flows from Cu Chi Operations	2.16	-1.22	0.23	0.41	-0.29	-0.54	0.64	0.94	0.86	-2.64	1.69	3.31	5.55
<b>Investing Activities</b>	<b>-0.24</b>	<b>-</b>	<b>-4.50</b>	<b>19.61</b>	<b>10.32</b>	<b>-</b>	<b>-4.00</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>11.75</b>	<b>-</b>	<b>32.23</b>	<b>65.18</b>
CAPEX for Cu Chi	-0.24	-	-4.50	-1.03	-	-	-	-	-	-	-	-3.89	-5.16
Loan support to Saigon Pleiku	-	-	-4.50	-	-	-	-4.00	-	-	-	-	-	-8.50
Dividends from B.O.O Thu Duc	-	-	-	-	-	-	-	-	-	9.00	-	-	9.00
Dividends from Gia Lai WASSCO	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2.75	-	-	2.75
Dividends from Tan Hiep	-	-	-	20.64	10.32	-	-	-	-	-	-	36.12	67.08
<b>Financing Activities</b>	<b>1.96</b>	<b>-0.01</b>	<b>4.53</b>	<b>-20.18</b>	<b>-8.10</b>	<b>-0.01</b>	<b>3.96</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-7.78</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-25.62</b>
Repayment of VIB Bond	-42.50	-	-21.25	-	-21.25	-	-	-	-	-	-	-	-85.00
Principal Repayment (Cu Chi Phase 1 Loan)	-8.61	-	-	-14.19	-	-	-14.19	-	-	-0.19	-	-	-37.18
Principal Repayment (Cu Chi Phase 2 Loan)	-0.50	-	-	-0.50	-	-	-1.00	-	-	-1.00	-	-	-3.00
Interest payments for Bonds	-0.26	-	-0.91	-	-0.34	-	-	-	-	-	-	-	-1.51
Interest payments for Cu Chi Phase 1 Loan	-10.48	-	-	-10.18	-	-	-9.83	-	-	-3.04	-	-	-33.54
Interest payments for Cu Chi Phase 2 Loan	-3.98	-	-	-3.76	-	-	-3.72	-	-	-3.55	-	-	-15.00
Financial supprts received	84.50	-	28.70	10.00	13.50	-	33.70	-	-	-	-	-	170.40
Loan payments to HDBank	-0.01	-0.01	-0.01	-0.01	-0.01	-0.01	-1.01	-0.00	-0.00	-0.00	-0.00	-0.00	-1.05
Cash sent to CII to pay TPBank's loan	-	-1.04	-0.96	-4.40	-1.01	-3.20	-2.14	-2.00	-2.00	-2.00	-2.00	-2.00	-22.75
Loans received from/(paid to) SDW	-16.20	1.04	-1.04	2.86	1.01	3.20	2.15	2.00	2.00	2.00	2.00	2.00	3.01
<b>NET CASH FLOW</b>	<b>3.07</b>	<b>-2.05</b>	<b>-0.50</b>	<b>-1.03</b>	<b>1.20</b>	<b>-1.20</b>	<b>-0.05</b>	<b>0.26</b>	<b>0.19</b>	<b>0.61</b>	<b>0.82</b>	<b>35.09</b>	<b>36.39</b>
Ending Cash Balance	4.89	2.84	2.34	1.30	2.51	1.30	1.25	1.51	1.70	2.31	3.13	38.22	38.22

### 3.5. Financial indicators:

Item	Unit	Dec 31 2021	Dec 31 2020
<b>Solvency ratio</b>			
+ Short-term payment ratio	Time	0.25	0.33
+ Quick payment ratio	Time	0.21	0.29
<b>Capital structure:</b>			
+ Debt / Total assets ratio	%	41.69%	40.67%
+ Debt / Equity ratio	Time	0.71	0.69
<b>Operational capability:</b>			
+ Short-term receivables turnover		4.65	1.57
+ Inventory turnover		12.95	9.47
+ Total asset turnover		0.08	0.07
<b>Profitability indicators:</b>			
+ Profit after tax / Net revenue	%	-38.6%	-56.3%
+ Profit after tax / Equity (ROE)	%	-5.7%	-7.6%
+ Profit after tax / Total assets (ROA)	%	-3.3%	-4.5%
+ Operating profit / Net revenue	%	-35.9%	-57.5%
+ Earnings per share (EPS)	VND	-1,139	-1,621

- The payment ratios continued to decline and go below 1 showed that the Company is at risk of not being able to pay off due debts in 2022. Due to the characteristics of an investment company, the main source of income of the Company is the dividends or debt recovery with an uncertain and intermittent time of collection. This was clearly shown in



2021 when the Company had to rely heavily on external capital (mainly from the parent company CII) to ensure its solvency.

- In 2021, the Company's profitability has improved compared to 2020.

## II. FINANCIAL STATEMENTS PREPARED UNDER IFRS

*In order to access and become familiar with the highly internationalized accounting standards to make it easier for the Company to promote business activities with international investors, the Company's Board of Management has implemented the valuation of some of the Company's assets in accordance with international financial reporting standards (IFRS) and adjusted the value of the Company's assets to the true value as well as evaluated the Company's business results based on the IFRS, the Board of Management would like to report on the results according to IFRS as follows:*

**The 2021 business results following IRFS:**

- Income statement:

Item	VAS 2021	IFRS 2021	Impact of IFRS conversion
Revenue	202.68	202.68	-
COGS	-218.31	-219.85	-1.54
<b>Gross profit</b>	<b>-15.63</b>	<b>-17.18</b>	<b>-1.54</b>
Other income	2.84	177.02	174.18
Selling expenses	-14.21	-14.21	-
General administration expenses	-39,20	-34,11	5,09
Other operating expenses	-1,74	-1,74	-
<b>Operating income</b>	<b>-67,94</b>	<b>109,79</b>	<b>177,73</b>
Financial income	77,88	78,44	0,56
Financial expenses	-87.08	-86.05	1.02
Income from associates	5.53	-26.37	-31.90
<b>Ongoing business income before tax</b>	<b>-71.60</b>	<b>75.81</b>	<b>147.41</b>
Current CIT	-2.43	-2.43	-
Deferred CIT	-4.15	-39.46	-35.31
<b>Total profit/(loss) after tax</b>	<b>-78.19</b>	<b>33.92</b>	<b>112.10</b>
<b>Distributed to:</b>			
+ Parent company shareholders	-73.50	41.08	114.58
+ Non-controlling shareholders	-4.69	-7.17	-2.48

- Comprehensive income report:

Item	VAS 2021	IFRS 2021	Impact of IFRS conversion
<b>Income from business activities</b>	<b>-78.19</b>	<b>33.92</b>	<b>112.10</b>
<b>Other comprehensive income:</b>			-
<i>Other comprehensive income that can be reclassified in the income statement in the following periods (after tax)</i>			-
Difference in the fair value of investments in debt instruments	-	-	-



Item	VAS 2021	IFRS 2021	Impact of IFRS conversion
Other comprehensive income from joint ventures, associates	-	-	-
<b>Net profit/(loss) from other comprehensive income reclassified as profit or loss in the following periods</b>	-	-	-
<i>Other comprehensive income not reclassified in the statement of profit or loss for the following periods:</i>			-
Difference in the fair value of tangible, intangible assets	-	85.37	85.37
Difference in the fair value of investments in equity instruments	-	-	-
Other comprehensive income from joint ventures, associates	-	96.15	96.15
<b>Net profit/(loss) from other comprehensive income not reclassified as profit or loss in the following periods</b>	-	<b>181.52</b>	<b>181.52</b>
<b>Profit/(loss) after tax from other comprehensive income during the year</b>	-	<b>181.52</b>	<b>181.52</b>
<b>Total comprehensive income after tax for the year</b>	<b>-78.19</b>	<b>215.44</b>	<b>293.62</b>
<b>Distributed to:</b>			
+ Parent company shareholders	-73.50	193.43	266.93
+ Non-controlling shareholders	-4.69	22.00	26.69

- Balance sheet:

Item	VAS 2021	IFRS 2021	Impact of IFRS conversion
<b>ASSETS</b>			
<b>Other non-current assets</b>			
PP&Es	1,887.73	2,083.06	195.33
Real estate investment	-	-	-
Goodwill	17.06	0.00	-17.06
Intangible assets	6.57	3.80	-2.77
Property use rights	-	-	-
Long-term WIPs	0.42	0.42	-
Investments in subsidiaries	-	-	-
Investments in associates	181.96	712.40	530.45
Investments in other entities	143.15	110.46	-32.69
Other financial assets	-	-	-
Assets arising under contracts	-	-	-
Trade and other receivables	0.01	0.01	-
Prepayment to the seller	0.92	0.92	-
Deferred tax assets	-	19.53	19.53
Long-term prepaid expenses	7.73	7.73	-
Other non-current assets	-	-	-
<b>Total other non-current assets</b>	<b>2,245.53</b>	<b>2,938.31</b>	<b>692.78</b>
<b>Current assets</b>			
Inventory	17.57	17.57	-
Trade and other receivables	15.79	15.79	-
Prepayment to the seller	0.15	0.15	-
Other financial assets	16.61	16.61	-
Investments held for trading	-	-	-



Item	VAS 2021	IFRS 2021	Impact of IFRS conversion
Short-term prepaid expenses and other current assets	22.72	22.72	-
Cash and cash equivalents	41.82	41.82	-
Long-term assets held for sale	-	-	-
<b>Total current assets</b>	<b>114.66</b>	<b>114.66</b>	<b>-</b>
<b>TOTAL ASSETS</b>	<b>2,360.20</b>	<b>3,052.98</b>	<b>692.78</b>
<b>EQUITY AND LIABILITIES</b>			
<b>Equity</b>			
Share capital	645.22	645.22	-
Equity surplus	161.81	161.81	-
Treasury shares	-	-	-
Bond conversion options	-	-	-
Exchange rate differences	-	-	-
Development fund	18.54	18.54	-
Other reserve funds	-	665.79	665.79
Other funds under equity	0.08	0.08	-
Undistributed profits	139.57	61.99	-77.58
Non-controlling shareholder interests	411.00	481.86	70.86
<b>Total equity</b>	<b>1,376.22</b>	<b>2,035.29</b>	<b>659.07</b>
<b>Non-current liabilities</b>			
Long-term borrowings	501.87	493.49	-8.38
Long-term trade payables	-	-	-
Long-term advance from customers	-	-	-
Other long-term payables	-	-	-
Provision for long-term payables	-	-	-
Liabilities arising from contracts	-	-	-
Deferred income tax liabilities	19.57	61.36	41.79
<b>Total non-current liabilities</b>	<b>521.43</b>	<b>554.84</b>	<b>33.41</b>
<b>Current liabilities</b>			
Trade and other payables	43.92	43.92	-
Short-term borrowings	414.75	415.06	0.30
Liabilities arising from contracts	-	-	-
Taxes and other payables to the government	2.19	2.19	-
Payable to employees	0.60	0.60	-
Short-term advances from customers	0.13	0.13	-
Other short-term payables	0.95	0.95	-
Provisions for short-term payables	-	-	-
Liabilities related to assets held for sale	-	-	-
<b>Total current liabilities</b>	<b>462.54</b>	<b>462.84</b>	<b>0.30</b>
<b>Total liabilities</b>	<b>983.97</b>	<b>1,017.68</b>	<b>33.71</b>
<b>TOTAL EQUITY AND LIABILITIES</b>	<b>2,360.20</b>	<b>3,052.98</b>	<b>692.78</b>



### **III. 2022 PLAN**

#### **1. 2022 Business plan**

The year 2022 is expected to continue to be another difficult year for the Company as the revenue, though increasing, will still not be enough to cover the costs and thus will continue to suffer operating losses. However, the Company will continue to make efforts to solve production and financial difficulties to improve the Company's net profit, avoiding loss for this year. The main targets and solutions are as follows:

##### **1.1. Improve the performance of projects and member companies**

- Cu Chi Project:
  - Increase the number of customers in manufacturing sector, thereby increasing billed volume and average water tariff.
  - Continue to work with the City People's Committee, departments and the management boards of industrial parks in the area to promote the transition from groundwater to using surface water provided by the Company. Along with that, the Company will work with the DOC, HEPZA and other water suppliers in the area to receive the right to provide water for enterprises in the Industrial Park.
  - Strengthen IT application in management.
  - Strengthen measures to reduce water loss, control operating costs, increase billed output, and distributed to an output of 37,500 m<sup>3</sup>/day by the end of 2022.
- Saigon Dankia:
  - Control operating costs, reduce costs;
  - Work with Lam Dong Water Supply and Sewerage Joint Stock Company to ensure the billed volume of 28,000 m<sup>3</sup>/day as planned.
  - Divest all of SII's investment in Saigon Dankia by March 2022 in order to reduce the financial difficulties and improve the business results of the Company.
- Gia Lai WASSCO:
  - Strengthening solutions to reduce water loss;
  - Coordinate with Pleiku City Project Management Unit (PMU) to implement the investment in renovating and replacing the old water supply network as the city's PMU implements the urban renovation and upgrading projects, which helps save costs and improve the operation performance.
  - Strengthen IT application in management;
  - Coordinate with DOC, DONRE to inspect the use of groundwater in businesses in the city.

- Submit for approval of the increase in retail water tariff after the bulk tariff proposed by Saigon Pleiku is approved.
- Saigon Pleiku:
  - Control operating costs, reduce costs;
  - Supply water to Tra Da industrial zone;
  - Submit to the Provincial People's Committee for approval of the bulk tariff of water supplied to Gia Lai WASSCO in Q1/2022;
  - Work with the Provincial People's Committee, FLC, and Dakdo district authorities to have solutions for water supply for FLC and Dakdo district.
- Saigon An Khe:
  - Improve the NRW reduction work;
  - Work with the Provincial People's Committee, the Town People's Committee to implement solutions to increase the billed volume;
  - Work with the Provincial People's Committee to implement rural clean water projects for 6 communes in An Khe Town and Dakpo District;
  - Submit the adjusted retail water tariff.

**1.2. Continue to seek financial solutions to financial obligations through the exploitation of existing assets:**

- Continue to look for opportunities to divest from Saigon Dankia (SDW), Saigon An Khe (SAW). The company will also consider reducing its ownership rate in SPW to 49%.
- Mobilize new sources of capital: shares of the above companies can be used as collateral to raise capital (except for Tan Hiep and Saigon Dankia shares which are being used as collaterals for CII's loan at TPBank). However, as it is difficult to raise external capital due to net losses, the Company will have to find a solution to divest some of its investments.

**1.3. Management and administration**

- Streamline the portfolio by divesting some inefficient projects; find a partner to transfer some projects such as Saigon Dankia, ...; develop a cash flow plan to ensure debt repayment as well as operating costs to help the company develop sustainably.
- Continue to work with the City People's Committee, departments and management boards of industrial zones in the area to promote the shift from groundwater to surface water provided by the Company. Along with that, the Company will work with the City People's Committee, Department of Construction, Management Board of industrial zones to receive the right to supply water to enterprises in the industrial zone.
- Strengthen technical solutions to reduce water loss, reduce power consumption;



- Apply IT in management, strengthen collection channels to reduce operating costs and improve service quality.

#### 1.4. Board of Management proposes a business plan for 2022 as follows:

Item	2022 plan (in VND billion)
Total revenue	362.46
Total cost	327.30
Profit before tax	35.17
<b>Profit after tax</b>	<b>32.83</b>
<b>Profit after tax for parent company's shareholders</b>	<b>28.83</b>

Details for each company are as follows:

Item	2022 plan (in VND billion)
SII parent company	98.21
Cu Chi project	(86.74)
Enviro	(0.01)
Saigon - Dankia	3.11
Saigon - Pleiku	(1.23)
Gia Lai WASSCO	8.67
Saigon - An Khe	-
Tan Hiep	81.52
Consolidation adjustments	(70.70)
<b>Profit after tax</b>	<b>32.83</b>
Minority interests	4.01
<b>Profit after tax of the parent company's shareholders</b>	<b>28.83</b>

## 2. Financial plan for 2022

- Some key parameters and assumptions in the cash flow forecast of Saigon Water in 2022 are as follows:
  - Expected to receive 61.92 billion dividend rate from Tan Hiep (25.8 billion to be received in April 2022, 36, 12 billion to be received in December 2022 for the advance of 2022 dividend at the rate of 35% on par value), 9 billion from BOO Thu Duc and 2.75 billion from Gia Lai WASSCO.
  - Divest to reduce ownership in Saigon Pleiku to 49% since February 2022, while continuing to provide financial support to Saigon Pleiku VND 1 billion in Q2, VND 4 billion in Q3 and 8.75 billion in Q4 2022 (total 13.75 billion in 2022); in 2023, SII will continue to support about VND 13.2 billion for Saigon Pleiku to pay the remaining debt. When there is a financial source for the disbursement of the support, the Board of Directors will be consulted about this support.
  - Divest of some investments to resolve the cash difficulties: divest SDW in March 2022. Total divestment proceeds are expected to be used to pay debts.
  - Cu Chi project investment expenditure of VND 5 billion;

- In the following years, when SII is able to balance its financial resources, it will gradually repay the capital support and debts to shareholders.
- The expected cash flow for the 2022-2030 period: (please refer to the Appendix).

This is the Report on 2021 Business activities and 2022 Plan by Board of Management.

  
**CHIEF EXECUTIVE OFFICER**  
  
  
**NGUYEN VAN THANH**



## APPENDIX

### 2021 CASH FLOWS AND CASH FLOW PROJECTIONS FOR 2022-2030

#### 1. Detailed cash flows of 2021:

Item	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	2021
<b>Beginning Cash Balance</b>	1.83	4.89	2.84	2.34	1.30	2.51	1.30	1.25	1.51	1.70	2.31	3.13	1.83
<b>Operating Activities</b>	1.35	-2.04	-0.54	-0.46	-1.02	-1.20	-0.01	0.26	0.19	-3.36	0.82	2.86	-3.16
Operating expenses of SGW	-0.81	-0.83	-0.77	-0.87	-0.73	-0.66	-0.65	-0.69	-0.67	-0.72	-0.87	-1.08	-9.35
Net Cash Flows from Cu Chi Operations	2.16	-1.22	0.23	0.41	-0.29	-0.54	0.64	0.94	0.86	-2.64	1.69	3.31	5.55
<b>Investing Activities</b>	-0.24	-	-4.50	19.61	10.32	-	-4.00	-	-	11.75	-	32.23	65.18
CAPEX for Cu Chi	-0.24	-	-	-1.03	-	-	-	-	-	-	-	-3.89	-5.16
Loan support to Saigon Pleiku	-	-	-4.50	-	-	-	-4.00	-	-	-	-	-	-8.50
Dividends from B.O.O Thu Duc	-	-	-	-	-	-	-	-	-	9.00	-	-	9.00
Dividends from Gia Lai WASSCO	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2.75	-	-	2.75
Dividends from Tan Hiep	-	-	-	20.64	10.32	-	-	-	-	-	-	36.12	67.08
<b>Financing Activities</b>	1.96	-0.01	4.53	-20.18	-8.10	-0.01	3.96	-	-	-7.78	-	-	-25.62
Repayment of VIB Bond	-42.50	-	-21.25	-	-21.25	-	-	-	-	-	-	-	-85.00
Principal Repayment (Cu Chi Phase 1 Loan)	-8.61	-	-	-14.19	-	-	-14.19	-	-	-0.19	-	-	-37.18
Principal Repayment (Cu Chi Phase 2 Loan)	-0.50	-	-	-0.50	-	-	-1.00	-	-	-1.00	-	-	-3.00
Interest payments for Bonds	-0.26	-	-0.91	-	-0.34	-	-	-	-	-	-	-	-1.51
Interest payments for Cu Chi Phase 1 Loan	-10.48	-	-	-10.18	-	-	-9.83	-	-	-3.04	-	-	-33.54
Interest payments for Cu Chi Phase 2 Loan	-3.98	-	-	-3.76	-	-	-3.72	-	-	-3.55	-	-	-15.00
Financial supports received	84.50	-	28.70	10.00	13.50	-	33.70	-	-	-	-	-	170.40
Loan payments to HDBank	-0.01	-0.01	-0.01	-0.01	-0.01	-0.01	-1.01	-0.00	-0.00	-0.00	-0.00	-0.00	-1.05
Cash sent to CII to pay TPBank's loan	-	-1.04	-0.96	-4.40	-1.01	-3.20	-2.14	-2.00	-2.00	-2.00	-2.00	-2.00	-22.75
Loans received from SDW	-16.20	1.04	-1.04	2.86	1.01	3.20	2.15	2.00	2.00	2.00	2.00	2.00	3.01
<b>NET CASH FLOW</b>	3.07	-2.05	-0.50	-1.03	1.20	-1.20	-0.05	0.26	0.19	0.61	0.82	35.09	36.39
<b>Ending Cash Balance</b>	4.89	2.84	2.34	1.30	2.51	1.30	1.25	1.51	1.70	2.31	3.13	38.22	38.22



2. 2022 cash flow plan:

Item	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	2022
<b>Beginning Cash Balance</b>	38.22	6.71	7.41	0.02	0.33	1.57	1.76	0.68	2.12	9.70	0.43	1.91	38.22
<b>Operating Activities</b>	-3.78	0.69	1.14	1.07	1.25	1.18	1.38	1.44	1.36	1.56	1.48	0.29	9.05
Operating expenses of SGW	-1.18	-0.71	-0.71	-0.71	-0.72	-0.71	-0.71	-0.71	-0.71	-0.71	-0.71	-1.18	-9.49
Net Cash Flows from Cu Chi Operations	-2.60	1.41	1.85	1.78	1.97	1.90	2.09	2.15	2.07	2.27	2.19	1.47	18.54
<b>Investing Activities</b>	-	-	-180.00	25.80	-	-1.00	2.75	-	6.23	-	-	22.37	236.15
CAPEX for Cu Chi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-5.00	-5.00
Loan support to Saigon Pleiku	-	-	-	-	-	-1.00	-	-	-4.00	-	-	-8.75	-13.75
Divestment of Saigon Dankia	-	-	180.00	-	-	-	-	-	-	-	-	-	180.00
Dividends from B.O.O Thu Duc	-	-	-	-	-	-	-	-	10.23	-	-	-	10.23
Dividends from Gia Lai WASSCO	-	-	-	-	-	-	2.75	-	-	-	-	-	2.75
Dividends from Tan Hiep	-	-	-	25.80	-	-	-	-	-	-	-	36.12	61.92
<b>Financing Activities</b>	-27.73	-	-188.52	-26.56	-	-	-5.21	-	-	-10.83	-	-	-258.85
Principal Repayment (Cu Chi Phase 1 Loan)	-14.19	-	-	-15.61	-	-	-22.61	-	-	-22.61	-	-	-75.02
Principal Repayment (Cu Chi Phase 2 Loan)	-1.00	-	-	-1.00	-	-	-1.00	-	-	-1.00	-	-	-4.00
Interest payments for Cu Chi Phase 1 Loan	-9.08	-	-	-14.59	-	-	-8.22	-	-	-7.83	-	-	-39.72
Interest payments for Cu Chi Phase 2 Loan	-3.46	-	-	-3.36	-	-	-3.38	-	-	-3.39	-	-	-13.59
Financial supports received	-	-	4.00	8.00	-	-	30.00	-	-	24.00	-	-	66.00
Financial supports repaid	-	-	-180.00	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-180.00
Cash sent to CII to pay TPBank's loan	-4.28	-0.97	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-5.25
Loans received from SDW	4.28	0.97	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	5.25
Loans paid to SDW	-	-	-12.52	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-12.52
<b>NET CASH FLOW</b>	-31.51	0.69	-7.39	0.31	1.25	0.18	-1.08	1.44	7.59	-9.27	1.48	22.66	-13.65
<b>Ending Cash Balance</b>	6.71	7.41	0.02	0.33	1.57	1.76	0.68	2.12	9.70	0.43	1.91	24.57	24.57



### 3. Cash flow projections for 2022 – 2030:

Item	2022	2023	2024	2025	2026	2027	2028	2029	2030
<b>Beginning Cash Balance</b>	38.22	24.57	0.35	0.65	0.67	2.12	3.79	10.15	201.61
<b>Operating Activities</b>	9.05	27.22	37.01	55.55	62.10	84.82	92.12	119.27	122.30
Operating expenses of SGW	-9.49	-10.39	-10.68	-10.68	-11.65	-11.65	-12.70	-12.70	-13.87
Net Cash Flows from Cu Chi Operations	18.54	37.60	47.70	66.23	73.75	96.46	104.83	131.98	136.16
<b>Investing Activities</b>	236.15	52.96	77.38	89.53	98.94	101.69	102.61	102.61	108.12
CAPEX for Cu Chi	-5.00	-20.00	-20.00	-20.00	-20.00	-20.00	-20.00	-20.00	-20.00
Loan support to Saigon Pleiku	-13.75	-13.18	-	-	-	-	-	-	-
Divestment of Saigon Dankia	180.00	-	-	-	-	-	-	-	-
Dividends from B.O.O Thu Duc	10.23	10.23	10.23	10.23	10.23	10.23	10.23	10.23	10.23
Dividends from Gia Lai WASSCO	2.75	3.67	4.59	6.43	5.51	8.26	9.18	9.18	14.69
Dividends from Tan Hiep	61.92	72.24	82.56	92.88	103.20	103.20	103.20	103.20	103.20
<b>Financing Activities</b>	-258.85	-104.39	-114.08	-145.06	-159.59	-184.84	-188.37	-30.42	-28.21
Principal Repayment (Cu Chi Phase 1 Loan)	-75.02	-86.92	-98.44	-101.99	-55.45	-	-	-	-
Principal Repayment (Cu Chi Phase 2 Loan)	-4.00	-4.00	-4.00	-4.00	-13.50	-23.00	-23.00	-23.00	-23.00
Interest payments for Cu Chi Phase 1 Loan	-39.72	-28.50	-20.02	-10.87	-1.94	-	-	-	-
Interest payments for Cu Chi Phase 2 Loan	-13.59	-14.97	-14.62	-14.20	-13.70	-11.84	-9.65	-7.42	-5.21
Financial supports received	66.00	30.00	23.00	-	-	-	-	-	-
Financial supports repaid	-180.00	-	-	-14.00	-75.00	-150.00	-155.72	0.00	-0.00
Cash sent to CII to pay TPBank's loan	-5.25	-	-	-	-	-	-	-	-
Loans received from SDW	5.25	-	-	-	-	-	-	-	-
Loans paid to SDW	-12.52	-	-	-	-	-	-	-	-
<b>NET CASH FLOW</b>	-13.65	-24.22	0.31	0.02	1.45	1.67	6.36	191.46	202.20
<b>Ending Cash Balance</b>	24.57	0.35	0.65	0.67	2.12	3.79	10.15	201.61	403.81